

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 39 /TB-HĐQT

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Tên công ty: **Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI**

Mã chứng khoán: CLH

Trụ sở chính: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại: 0208 3829154 Fax: 0208 3829056

Địa chỉ Website: ximanglahien.com.vn

Loại công bố thông tin: Định kỳ Bất thường Yêu cầu Khác

II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN:

1. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023
2. Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023

(có Biên bản họp và Nghị quyết chi tiết kèm chi tiết kèm theo)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng tải Website Cty;
- Lưu HĐQT;VT.

Ngày 16 tháng 4 năm 2023

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
GIÁM ĐỐC**



Trần Quang Khải

Số: 17 /NQ-ĐHĐCĐ

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 4 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, ban hành theo quyết định số 16/QĐ-HĐQT ngày 26/04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, ngày 15 tháng 4 năm 2023 dưới sự Chủ tọa của Ông Đỗ Huy Hùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

Tham dự Đại hội có 33 vị Cổ đông của Công ty, sở hữu và đại diện cho cho 9.365.030 cổ phần, bằng 78,04 % số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Với tinh thần làm việc khẩn trương và trách nhiệm, Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI đã tập trung giải quyết từng nội dung trong chương trình nghị sự của Đại hội và thống nhất Quyết nghị như sau:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI nhất trí thông qua:

1. Báo cáo kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 với một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2022	Thực hiện năm 2022	% TH/KH
1	2	3	4	5	6=5/4*100
A	Chỉ tiêu hiện vật				
I	Sản lượng sản xuất	Tấn	740.000	769.844,77	104,03
1	Xi măng	"	690.000	720.300,06	104,39
2	Clinker thương phẩm	"	50.000	49.544,71	99,09
II	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	740.000	769.844,77	104,03

-	Xi măng	"	690.000	720.300,06	104,39
-	Clinker thương phẩm	"	50.000	49.544,71	99,09
B	Doanh thu, thu nhập khác	Tr.đ	680.279,22	815.125,62	119,82
-	Xi măng	"	643.388,73	774.875,22	120,44
-	Clinker thương phẩm	"	31.818,18	36.117,48	113,51
-	Doanh thu, thu nhập khác	"	5.072,31	4.132,91	81,48
C	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	56.000	70.444,78	125,79
D	Cổ tức	%	25	35	140,00
G	Nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đ	42.584	46.085,37	108,22
E	Lao động và thu nhập				
1	Lao động bình quân	Người	552	544	98,55
2	Tiền lương bình quân	đ/n/th	11.750.000	14.984.331	127,53

1.2. Phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2023:

* Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2023
1	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	740.000
2	Doanh thu	Triệu đồng	745.000
3	Nộp NS nhà nước	Triệu đồng	42.584
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	58.000
5	Trả cổ tức	%	25
6	Lao động thực tế	Người	547
7	Thu nhập bình quân	Trđ/ng/tháng	12,19

- Giao cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, chủ động điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 cho phù hợp với thực tế sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm, tuy nhiên đảm bảo không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế hoạch đã được giao.

* Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2023:

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (Tr.đ)
I	Công trình chuyển tiếp			1.028
	Dự án đầu tư trạm cân 120 tấn	HT	01	1.028
II	Công trình khởi công mới			

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (Tr.đ)
III	Chuẩn bị đầu tư			250
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ đá vôi Đồng Chuông (điều chỉnh)	HT	01	200
2	Dự án hệ thống xếp bao tự động	HT	01	50
IV	Dự phòng			9.100
1	Dự án nâng cấp HT tự động hóa (DCS) dây chuyền II (tạm tính 50%)	HT	01	4.200
2	Dự án hệ thống xếp bao tự động (tạm tính 50%)	HT	01	4.900
	Tổng cộng			10.378

2. Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La hiên VVMI năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023.

3. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Công ty năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS.

4. Thông qua báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI đã được kiểm toán.

5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, mức trả cổ tức năm 2022 theo biểu sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện
1	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	56.034.838.069
	Trong đó: Lợi nhuận năm trước chuyển sang	"	
	- Lợi nhuận năm nay	"	56.034.838.069
2	Trích lập các quỹ	"	
a	Trích quỹ đầu tư phát triển	"	0
b	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (2,02 tháng lương bq)	"	13.693.432.069
b1	Quỹ lương thực hiện năm 2022 của Công ty	Đồng	81.335.743.520
b2	Quỹ lương thực hiện bình quân 1 tháng của Công ty	"	6.777.978.626
b3	Số tháng lương được trích tối đa (3 tháng lương)	Tháng	2,02
b4	Mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (b4=b2*b3)	Đồng	13.693.432.069
	Trong đó:		
b4.1	Quỹ khen thưởng (=b4 x 30%)	Đồng	4.108.029.621
b4.2	Quỹ phúc lợi (=b4*70%)	Đồng	9.585.402.448
c	Trích quỹ khen thưởng người quản lý doanh nghiệp (1,5 tháng lương viên chức quản lý và phụ cấp quản lý không chuyên trách)	"	341.406.000
c1	Quỹ lương thực hiện BQ 1 tháng của NQL DN năm	Đồng	227.604.000

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện
	2022		
c2	Số tháng lương được trích tối đa (1.5 tháng lương)	Tháng	1,50
c3	Mức trích quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp (c3=c1*c2)	Đồng	341.406.000
3	Phương án trả cổ tức năm 2022		
a	Tỷ lệ trả cổ tức theo NQ ĐHCĐ đầu năm	%	25,00
b	Tỷ lệ trả cổ tức đơn vị đề nghị	%	35,00
c	Số tiền trả cổ tức	Đồng	42.000.000.000
4	Số lợi nhuận còn lại sau khi đã chia cổ tức và trích các quỹ trên	Đồng	0

6. Quyết toán việc chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022; phương án chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát (BKS) năm 2023.

6.1. Thù lao cho HĐQT, BKS thực hiện năm 2022:

Stt	Họ tên	Chức vụ	Thực hiện
1	Đỗ Huy Hùng	Chủ tịch HĐQT	89.107.200
2	Trần Quang Khải	Thành viên HĐQT	74.880.000
3	Lê Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT	74.880.000
4	Hà Văn Chuyên	Thành viên HĐQT	74.880.000
5	Trịnh Quốc Bình	Thành viên HĐQT	74.880.000
6	Hoàng Thị Thúy	Thành viên BKS	67.766.400
7	Trần Thu Hương	Thành viên BKS	67.766.400
	Tổng cộng		524.160.000

6.2. Phương án chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2023 (Mức chi trả thù lao là 20% mức tiền lương của VCQL, căn cứ kết quả SXKD nếu tiền lương của các VCQL được quyết toán tăng thì mức chi trả thù lao sẽ tăng tương ứng) dự kiến như sau:

Stt	Chức danh	Số lượng	KH (đ/ng/th)	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	1	4.760.000	
2	Thành viên HĐQT	4	4.000.000	
3	Thành viên BKS	2	4.000.000	

7. Thông qua lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.

8. Thông qua hợp đồng mua bán hàng hóa với người có liên quan, hợp đồng mua bán lớn (>35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp).

- Hợp đồng mua bán than với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam năm 2023 như sau:

+ Tổng khối lượng than dự kiến cho KHSX năm 2023 là: **85.000 +/-10% tấn**

- Giao cho Giám đốc Công ty phân xi măng La Hiên VVMI thực hiện ký kết hợp đồng kinh tế với người có liên quan.

9. Công nhận kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, nhiệm kỳ 2023 – 2028:

- Ông: Vũ Minh Tân
- Ông: Trần Quang Khải
- Ông: Hà Văn Chuyên
- Ông: Phạm Mạnh Tiến
- Ông: Nguyễn Xuân Hậu

10. Công nhận kết quả bầu thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, nhiệm kỳ 2023 – 2028:

- Ông: Phạm Trung Hợp
- Bà: Trần Thu Hương
- Bà: Nguyễn Thị Hồng Nhung

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Nghị quyết này đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI thông qua toàn văn tại Đại hội.

- Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ sau khi kết thúc Đại hội.

- Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, triển khai các nội dung đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 thông qua tại Nghị quyết này và tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện theo đúng Nghị quyết và quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBCKNN (thay B/cáo);
- Sở giao dịch CK Hà nội;
- Cty CP CK QT Việt Nam (02b)
- Công bố TT trên Website Cty;
- Các thành viên HĐQT;
- Các thành viên BKS;
- Giám đốc Công ty;
- Cổ đông của Cty;
- Lưu: VP, HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Đỗ Huy Hùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06 /BB-ĐHĐCĐ

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 4 năm 2023

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 30 phút, ngày 15 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.

Địa chỉ trụ sở: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
Mã số doanh nghiệp số: 4600422240

Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023.

I. Thành phần dự Đại hội gồm có:

A. Hội đồng quản trị Công ty gồm có:

- Ông: Đỗ Huy Hùng - Chủ tịch HĐQT Công ty
- Ông: Trần Quang Khải - Thành viên HĐQT Công ty
- Ông: Hà Văn Chuyên - Thành viên HĐQT Công ty
- Bà: Lê Thị Thu Hiền - Thành viên HĐQT Công ty
- Ông: Trịnh Quốc Bình - Thành viên HĐQT Công ty không tham dự Đại hội do đang bị nhiễm bệnh Covid - 19.

B. Ban Kiểm Soát Công ty gồm có:

- Ông: Phạm Trung Hợp - Trưởng Ban kiểm soát Công ty
- Bà: Hoàng Thị Thúy - Thành viên Ban kiểm soát
- Bà: Trần Thu Hương - Thành viên Ban kiểm soát

C. Cổ đông tham dự Đại hội:

Thời điểm khai mạc Đại hội vào lúc 08 giờ 30 phút, có 32 vị Cổ đông của Công ty, sở hữu và đại diện cho 9.356.310 cổ phần, bằng 77,97 % số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

D. Chủ tọa Đại hội gồm:

- Ông: Đỗ Huy Hùng - Chủ tịch HĐQT Công ty làm Chủ tọa
- Ông: Trần Quang Khải - Thành viên HĐQT; Giám đốc - Thành viên

E. Chủ tọa Đại hội đã chỉ định thư ký để giúp Chủ tọa điều hành Đại hội gồm:

1. Ông: Lê Xuân Tình - Thư ký HĐQT Công ty - Thư ký Đại hội
 2. Ông: Tống Thanh Sơn - Trưởng phòng KHVT Công ty - Thành viên

II. Nội dung và diễn biến của Đại hội:**Đại hội đã diễn ra theo trình tự và bao gồm những nội dung sau đây:****1. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông:**

Ông Nguyễn Văn Vượng - Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông, đã đọc báo cáo thẩm tra tư cách Cổ đông trước khi khai mạc Đại hội và công bố **32** vị Cổ đông có mặt đủ tư cách tham dự Đại hội. Những Cổ đông có mặt sở hữu và đại diện cho **9.356.310** cổ phần, bằng **77,97 %** số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ khoản 1 điều 145 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và khoản 1 điều 19 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty đã đủ các điều kiện để tiến hành Đại hội theo đúng quy định của pháp luật.

Chủ tọa Đại hội lấy ý kiến biểu quyết thông qua báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

Kết quả biểu quyết:

- ✓ *Tán thành: 9.356.310 cổ phần, chiếm 100 %/ tổng số cổ phần tham gia biểu quyết*
- ✓ *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 %/ tổng số cổ phần tham gia biểu quyết*
- ✓ *Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 %/ tổng số cổ phần tham gia biểu quyết*

2. Thông qua chương trình, hướng dẫn thể lệ và Quy chế Đại hội:**2.1. Thông qua chương trình Đại hội, hướng dẫn thể lệ biểu quyết thông qua các nội dung trong chương trình của Đại hội**

Ông Đỗ Huy Hùng - Chủ tọa, trình bày chương trình Đại hội và lấy ý kiến biểu quyết thông qua chương trình Đại hội.

Kết quả biểu quyết:

- ✓ *Tán thành: 9.356.310 cổ phần, chiếm 100 %/ tổng số cổ phần tham gia biểu quyết*
- ✓ *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% / tổng số cổ phần tham gia biểu quyết*
- ✓ *Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% / tổng số cổ phần tham gia biểu quyết*

2.2 Thông qua quy chế Đại hội:

Ông Hà Văn Chuyên - Ủy viên HĐQT trình bày quy chế Đại hội, Chủ tọa lấy ý kiến biểu quyết thông qua nội dung quy chế đại hội.

Kết quả biểu quyết:

- ✓ *Tán thành: 9.356.310 cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết*
- ✓ *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết*
- ✓ *Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết*

3. Trình bày các báo cáo trong Đại hội:

Sau khi thực hiện các thủ tục tiến hành Đại hội, Chủ tọa Đại hội đã điều hành để Đại hội nghe báo cáo các nội dung như sau:

3.1. Báo cáo của Giám Đốc Công ty về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2022, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

Đại hội đã nghe Ông Trần Quang Khải - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty trình bày nội dung báo cáo về kết quả hoạt động SXKD năm 2022, kế hoạch SXKD năm 2023.

3.2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2022, kế hoạch hoạt động năm 2023:

Đại hội đã nghe Ông Đỗ Huy Hùng - Chủ tịch HĐQT Công ty trình bày nội dung báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty năm 2022, kế hoạch hoạt động năm 2023.

** Tại thời điểm 09 giờ 15 phút, có thêm 01 Cổ đông tham dự, tổng số cổ đông tham dự là 33 Cổ đông, sở hữu và đại diện cho 9.365.030 cổ phần, bằng 78,04 % số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.*

3.3. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Công ty năm 2022 kế hoạch hoạt động năm 2023; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát:

Đại hội đã nghe Ông Phạm Trung Hợp - Trưởng BKS Công ty, trình bày nội dung báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Công ty năm 2022, kế hoạch hoạt động năm 2023; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát.

4. Thông qua quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023 - 2028:

Đại hội đã nghe ông Trần Quang Khải - Thành viên HĐQT Công ty trình bày Quy chế bầu cử HĐQT, BKS, nhiệm kỳ 2023 - 2028:

Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, ban hành theo quyết định số 16/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 26/4/2021, quyền đề cử, ứng cử vào thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được quy định như sau:

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cụ thể:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười (10)% đến dưới hai mươi (20)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ hai mươi (20)% đến dưới năm mươi (50)% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm mươi (50)% trở lên được đề cử ba (03) ứng viên.

- Chủ tọa Đại hội lấy ý kiến biểu quyết thông qua quy chế bầu cử HĐQT, BKS, nhiệm kỳ 2023 – 2028:

Kết quả biểu quyết:

✓ *Tán thành: 9.365.030 cổ phần, chiếm 100% tổng số CP tham gia biểu quyết tại ĐH*

✓ *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số CP tham gia biểu quyết tại ĐH*

✓ *Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số CP tham gia biểu quyết tại ĐH*

5. Thông qua và tiến hành việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI, nhiệm kỳ 2023 – 2028:

Đại hội đã nghe Ông Đỗ Huy Hùng - Chủ tọa Đại hội báo cáo việc đề cử, ứng cử của các ứng cử viên tham gia bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, nhiệm kỳ 2023 - 2028 như sau:

5.1. Đề cử các ứng cử viên bầu thành viên Hội đồng quản trị:

5.1.1. Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP sở hữu 6.165.960 cổ phần, đạt tỷ lệ cổ phần 51,383% đề cử Người đại diện tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, nhiệm kỳ 2023 - 2028:

1. Ông Vũ Minh Tân
2. Ông Trần Quang Khải
3. Ông Hà Văn Chuyên

5.1.2. Nhóm Cổ đông sở hữu 1.382.640 cổ phần, đạt tỷ lệ 11,522% đề cử ông Phạm Mạnh Tiến là Người đại diện tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, nhiệm kỳ 2023 – 2028.

5.1.3. Do số lượng đề cử các ứng cử viên tham gia thành viên Hội đồng quản trị là 4 ứng cử viên, chưa đủ số lượng theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI (thiếu 01 thành viên).

- Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI; Quy chế bầu thành viên HĐQT của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. Chủ tọa Đại hội xin ý kiến Đại hội đề Hội đồng quản trị đề cử thêm 1 ứng cử viên tham gia ứng cử thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

- Chủ tọa Đại hội và Hội đồng quản trị Công ty đã họp và thống nhất đề cử ứng cử viên tham gia thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, nhiệm kỳ 2023 – 2028 là Ông Nguyễn Xuân Hậu, Đại hội tiến hành biểu quyết.



Kết quả biểu quyết:

✓ *Tán thành: 9.110.930 cổ phần, chiếm 97,29%/tổng số cổ phần tham gia biểu quyết tại Đại hội.*

✓ *Không tán thành: 254.100 cổ phần, chiếm 2,71%/tổng số cổ phần tham gia biểu quyết tại Đại hội.*

✓ *Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0%/tổng số cổ phần tham gia biểu quyết tại Đại hội.*

5.1.4. Đại hội tiến hành biểu quyết danh sách các ứng cử viên bầu thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, nhiệm kỳ 2023 – 2028:

1. Ông Vũ Minh Tân
2. Ông Trần Quang Khải
3. Ông Hà Văn Chuyển
4. Ông Phạm Mạnh Tiến
5. Ông: Nguyễn Xuân Hậu

Kết quả biểu quyết:

✓ *Tán thành: 9.356.030 cổ phần, chiếm 100 %/tổng số cổ phần tham gia biểu quyết tại Đại hội.*

✓ *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0%/tổng số cổ phần tham gia biểu quyết tại Đại hội.*

✓ *Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0%/tổng số cổ phần tham gia biểu quyết tại Đại hội.*

5.2. Đề cử các ứng cử viên bầu thành viên Ban Kiểm soát:

5.2.1. Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP sở hữu 6.165.960 cổ phần, đạt tỷ lệ cổ phần 51,383% đề cử Người đại diện tham gia ứng cử thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, nhiệm kỳ 2023 - 2028:

1. Ông: Phạm Trung Hợp
2. Bà: Trần Thu Hương
3. Bà: Nguyễn Thị Hồng Nhung

5.2.2. Đại hội tiến hành biểu quyết danh sách các ứng cử viên bầu thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, nhiệm kỳ 2023 – 2028:

1. Ông: Phạm Trung Hợp
2. Bà: Trần Thu Hương
3. Bà: Nguyễn Thị Hồng Nhung

Kết quả biểu quyết:

- ✓ *Tán thành: 9.356.030 cổ phần, chiếm 100% tổng số CP tham gia biểu quyết tại ĐH*
- ✓ *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số CP tham gia biểu quyết tại ĐH*
- ✓ *Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số CP tham gia biểu quyết tại ĐH*

5.3. Đại hội đã tiến hành đề cử các thành viên Ban bầu cử, để thực hiện việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2023-2028 gồm có:

- | | |
|-------------------------|--------------|
| 1. Ông Nguyễn Văn Vượng | - Trưởng ban |
| 2. Ông Nông Duy Hiệp | - Thành viên |
| 3. Ông Trần Đức Mạnh | - Thành viên |
| 4. Bà Nguyễn Thị Hằng | - Thành viên |
| 5. Bà Trịnh Thị Bình | - Thành viên |

- Đại hội đã tiến hành biểu quyết đề bầu Ban bầu cử, thực hiện việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2023 - 2028:

Kết quả biểu quyết:

- ✓ *Tán thành: 9.356.030 cổ phần, chiếm 100%/tổng số CP tham gia biểu quyết tại ĐH*
- ✓ *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0%/tổng số CP tham gia biểu quyết tại ĐH*
- ✓ *Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0%/tổng số CP tham gia biểu quyết tại ĐH*

- Ban bầu cử đã tiến hành tổ chức bầu cử, bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2023 – 2028.

Đại hội nghỉ giải lao 15 phút**6. Trình bày các tờ trình trong Đại hội.****6.1. Tờ trình thông qua báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán:**

Đại hội đã nghe Bà Nguyễn Thị Thu Hoài - Kế toán trưởng Công ty trình bày tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán (*Đính kèm nội dung báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán*).

6.2. Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022:

Đại hội đã nghe Bà Nguyễn Thị Thu Hoài - Kế toán trưởng Công ty trình bày tờ trình về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022.

6.3. Tờ trình thông qua việc quyết toán chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2022 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2023:

Đại hội đã nghe Bà Nguyễn Thị Thu Hoài - Kế toán trưởng Công ty trình bày tờ trình thông qua việc quyết toán chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, BKS năm 2022 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2023.

6.4. Tờ trình thông qua việc lựa chọn danh sách Công ty thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023:

Đại hội đã nghe Ông Phạm Trung Hợp - Trưởng ban kiểm soát Công ty trình bày tờ trình về việc lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

6.5. Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch Đầu tư xây dựng năm 2023:

Đại hội đã nghe Ông Trần Quang Khải - Thành viên HĐQT; Giám đốc Công ty trình bày tờ trình về việc thông qua kế hoạch SXKD và kế hoạch ĐTXD năm 2023.

6.6. Tờ trình thông qua việc ký kết hợp đồng mua, bán hàng hóa với người có liên quan của Công ty để phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2023:

Đại hội đã nghe Ông Trần Quang Khải - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty trình bày tờ trình thông qua hợp đồng giao dịch với người có liên quan của công ty để phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2023 (>35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp).

7. Thảo luận, giải đáp các kiến nghị của Cổ đông và thông qua biểu quyết các báo cáo và các tờ trình.

7.1. Thảo luận:

- Tại thời gian trước Đại hội đồng Cổ đông thường năm 2023 Công ty đã nhận được 7 ý kiến của các cổ đông. Thay mặt Công ty ông Đỗ Huy Hùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo ban lãnh đạo điều hành xem xét và trả lời ý kiến bằng văn bản và đã gửi cho Cổ đông.

7.1.1. Ý kiến cổ đông STT 28:

- Đề nghị Công ty kèm ý kiến trả lời các Cổ đông bằng văn bản vào biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông.

- Trong năm 2022 Công ty đã sử dụng mức tiêu hao than rất lớn, trong khi hàng năm trung bình chỉ sử dụng khoảng 86.000 tấn than thì năm 2022 đã sử dụng khoảng ~ 96.000 tấn than, trong khi đó sản lượng thành phẩm xi măng & clinker còn giảm khoảng 36.000 tấn so với năm 2021, thì Công ty có giải pháp nào để tiết kiệm than cho những năm tiếp theo vì tiết kiệm được 10.000 tấn than so với năm trước đây thì tiết kiệm được khoảng 20 tỷ đồng.

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm nay doanh thu đặt ra là thấp, với sản lượng tiêu thụ 740.000 tấn (Trong đó: 690.000 tấn xi măng và 50.000 tấn Clinker) với giá bán bình quân cuối năm 2022 đối với Clinker là 730.000 đồng/tấn, xi măng là



1.075.000 đồng/tấn nhân với sản lượng thì kế hoạch doanh thu năm 2023 phải là 780 tỷ chứ không phải là 745 tỷ ?

- Kế hoạch lợi nhuận 58 tỷ năm 2023 đã xem xét giá trị khấu hao chi phí của năm 2023 tiết kiệm so với năm 2022 chưa, bởi vì giá trị còn lại tính đến thời điểm 31/12/2022 khấu hao tài sản máy móc thiết bị, thiết bị quản lý là 27,7 tỷ mức khấu hao tài sản 2022 là 39,1 tỷ tức là 2023 giảm 11,5 tỷ thì Ban lãnh đạo Công ty xem xét mức lợi nhuận trước thuế là 58 tỷ đã tiết kiệm chi phí khấu hao được hay chưa ?

- Liên quan đến việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 tăng so với năm 2021 là 1,5 tỷ đồng, cổ đông chỉ nhận được cổ tức tương ứng với năm 2021, nhưng quỹ phúc lợi tăng gần 1,8 tỷ đồng nhiều hơn tăng lợi nhuận năm 2022, việc trích quỹ chưa hợp lý, chưa xem xét lợi ích hài hòa của cổ đông; bản thân Công ty là Công ty cổ phần có cổ đông lớn là cổ đông nhà nước nên cần xem xét phương án việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo doanh nghiệp có vốn 100 % của nhà nước theo bảng xếp hạng doanh nghiệp (hạng A trích 3 tháng lương; hạng B trích 1,5 tháng lương; hạng C trích 1 tháng lương) để tránh cổ đông có ý kiến; các công ty cổ phần của TKV cũng vẫn cần đánh giá xếp hạng hàng năm, việc trích quỹ phải có kế hoạch chứ không phải cứ trích quỹ xong còn lại mới trả cổ tức.

* Ông Đỗ Huy Hùng - Chủ tịch HĐQT, Chủ tọa Đại hội trả lời:

- Qua ý kiến của cổ đông quan tâm Công ty đã xem xét và trả lời ý kiến cổ đông bằng văn bản trực tiếp tới cổ đông, để cổ đông nắm được các thông tin sát thực hơn.

- Về xây dựng kế hoạch, đối với Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI hoạt động theo mô hình công ty mẹ, công ty con. Đơn vị chủ quản là Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP, có hệ thống các phòng ban, quản lý kỹ thuật của mọi ngành, khai thác đá ở đâu, chất lượng tuyển tâng như thế nào, định mức tiêu hao, căn cứ vào đó hàng năm các phòng ban chuyên môn kiểm tra rà soát cùng với Công ty để xác định chi phí hợp lý, phân tích thị trường để xác định khung giá bán sản phẩm. Hiện nay tình hình tiêu thụ gặp nhiều khó khăn kế hoạch quý I/2023 đặt ra là 165.000 tấn, thực hiện ~149.000 tấn, các bộ phận thị trường đã xem xét, xây dựng kế hoạch sát với thực tế, xây dựng ra giá bán hợp lý, để tính toán các chi phí hợp lý.

- Việc tiêu hao than phụ thuộc rất nhiều yếu tố trong đó có chất lượng đá mỏ La Hiên chất lượng kém, việc mua đá mua ngoài khan hiếm do không nguồn để mua do các mỏ đá trên địa bàn đều tạm dừng hoạt động, Công ty đã chủ động tăng cường khai thác đá tại mỏ đá vôi Đồng Chuông để tăng chất lượng đá, nhưng mỏ đá Đồng Chuông vẫn đang trong giai đoạn mới vào khai thác chất lượng đá chưa ổn định chi phí tăng do tăng cung độ vận chuyển đá từ mỏ đá Đồng Chuông về Công ty (do điều chỉnh đường giao thông của chính quyền địa phương làm tăng cung độ vận chuyển lên khoảng 7 km), trong năm qua Công ty cũng hạn chế sử dụng đá thải Khánh Hòa (trong đá thải có lẫn lượng than nhỏ giảm được tiêu hao than) nhưng khi sử dụng lượng lớn đá thải Khánh Hòa sẽ vượt mức quy định khí thải môi trường, do đó làm tăng chi phí

tiêu thụ nhiên liệu và than. Hiện nay thị trường xi măng cạnh tranh rất khốc liệt, đề nghị Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 và bộ máy điều hành tăng cường quản lý, chủ động lập phương án điều hành để tiết kiệm chi phí sản xuất.

- Khi xây dựng kế hoạch lợi nhuận năm 2023 đã tính đến các chi phí đầu vào đầu ra, chi phí sửa chữa, tính cả đến lợi nhuận thu tài chính từ tiền nhân đối gửi ngân hàng, đặc biệt là yếu tố khấu hao. Trong những năm qua Công ty vẫn duy trì được sản lượng ở mức cao, các chi phí tương đối tốt so với các công ty khác là do Công ty mấy năm đặc biệt quan tâm đến cải tạo, nâng cấp thiết bị trong hệ thống dây chuyền, tuy nhiên đến bây giờ có một số thiết bị hư hỏng cần phải sửa chữa, khấu hao giảm thì chi phí sửa chữa lại tăng.

- Việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi, mặc dù Công ty cổ phần nhưng hàng năm công ty vẫn thực xếp loại doanh nghiệp. Năm 2022 Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI được đánh giá xếp loại doanh nghiệp hạng A, nhưng thực ra năm 2022 việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi mới trích 2,02 tháng lương (theo quy định được trích không quá 3 tháng lương) để đảm bảo lợi ích hài hòa giữa các cổ đông và quan tâm đến người lao động của Công ty.

7.1.2. Ý kiến cổ đông STT 33:

- Đề nghị công ty cho biết kết quả sản xuất kinh doanh quý 1/2023 của Công ty đạt bao nhiêu ?

* Ông Trần Quang Khải – Thành viên HĐQT trả lời:

- Tình hình tiêu thụ sản phẩm quý 1/2023 khó khăn, sản lượng tiêu thụ giảm so với cùng kỳ năm 2022 và kế hoạch được giao:

+ Sản lượng tiêu thụ: $148.627 / KH\ 165.000 = 90,08\%$

+ Doanh thu: $157.175 / KH\ 164.091 = 95,79\%$

+ Lợi nhuận quý 1/2023 công ty công bố trên báo cáo tài chính quý I/2023 của Công ty.

* *Tại thời điểm 11 giờ 15 phút, có 01 Cổ đông xin phép không tham dự Đại hội vì lý do công việc, tổng số cổ đông tham dự là 32 Cổ đông, sở hữu và đại diện cho 9.354.030 cổ phần, bằng 77,95 % số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.*

7.2. Biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình:

7.2.1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023.

* Đại hội lấy ý kiến Cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

Kết quả biểu quyết:

✓ *Tán thành: 9.354.030 cổ phần, chiếm 100 % / tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*

✓ Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 %/tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 %/tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

7.2.2. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm Soát về hoạt động của Công ty năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát.

* Đại hội lấy ý kiến cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

Kết quả biểu quyết:

✓ Tán thành: 9.354.030 cổ phần, chiếm 100 %/tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 %/tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 %/tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

7.2.3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.

* Đại hội lấy ý kiến cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

Kết quả biểu quyết:

✓ Tán thành: 9.141.930 cổ phần, chiếm 97,73 %/tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Không tán thành: 212.100 cổ phần, chiếm 2,27 %/tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 %/tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

7.2.4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.

* Đại hội lấy ý kiến cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

Kết quả biểu quyết:

✓ Tán thành: 9.141.930 cổ phần, chiếm 97,73 %/tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Không tán thành: 212.100 cổ phần, chiếm 2,27 %/tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 %/tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

7.2.6. Thông qua việc quyết toán chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2022 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2023.

* Đại hội lấy ý kiến cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

Kết quả biểu quyết:

✓ Tán thành: 9.354.030 cổ phần, chiếm 100 %/tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 %/tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 %/tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.



7.2.7. Thông qua phương án lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.

* Đại hội lấy ý kiến cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

Kết quả biểu quyết:

- ✓ Tán thành: 9.354.030 cổ phần, chiếm 100%/tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0%/tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0%/tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

7.2.8. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch Đầu tư xây dựng năm 2023.

* Đại hội lấy ý kiến cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

Kết quả biểu quyết:

- ✓ Tán thành: 9.141.930 cổ phần, chiếm 97,73%/tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Không tán thành: 212.100 cổ phần, chiếm 2,27%/tổng số cổ phần tham gia biểu quyết
- ✓ Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0%/tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

7.2.9. Thông qua việc ký kết hợp đồng mua, bán hàng hóa với người có liên quan, hợp đồng giá trị trên 35% tổng giá trị TSDN của Công ty để phục vụ SXKD năm 2023.

* Đại hội lấy ý kiến cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

Kết quả biểu quyết:

Sau khi loại trừ số phiếu biểu quyết của người có liên quan **6.165.960** cổ phần, kết quả biểu quyết thông qua việc ký kết hợp đồng mua, bán hàng hóa với người có liên quan, giá trị lớn với tổng số cổ phần **3.188.070** cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội như sau:

- ✓ Tán thành: 3.188.070 cổ phần, chiếm 100%/tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0%/tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0%/tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

8. Công nhận kết quả bầu cử thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2023 -2028 như sau:

8.1 Công nhận kết quả bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 -2028

1. Ông: Vũ Minh Tân được 12.686.770 cổ phần, đạt 27,09 % trên tổng số cổ phần - Trúng cử;
2. Ông: Trần Quang Khải được 10.862.470 cổ phần, đạt 23,19 % trên tổng số cổ phần - Trúng cử

0042
ÔNG
PH
NG LA
VVM
T. THA

3. Ông: Hà Văn Chuyên được 10.801.970 cổ phần, đạt 23,07 % trên tổng số cổ phần - Trúng cử

4. Ông: Phạm Mạnh Tiến được 6.037.930 cổ phần, đạt 12,89 % trên tổng số cổ phần - Trúng cử

5. Ông: Nguyễn Xuân Hậu được 5.836.130 cổ phần, đạt 12,46 % trên tổng số cổ phần - Trúng cử

8.2. Công nhận kết quả bầu cử thành viên BKS, nhiệm kỳ 2023 - 2028

1. Ông: Phạm Trung Hợp được 11.750.890 cổ phần, đạt 41,83 % trên tổng số cổ phần - Trúng cử

2. Bà: Trần Thu Hương được 10.962.250 cổ phần, đạt 39,02 % trên tổng số cổ phần - Trúng cử

3. Bà: Nguyễn Thị Hồng Nhung được 5.381.950 cổ phần, đạt 19,15 % trên tổng số cổ phần - Trúng cử

III. Thông qua nghị quyết, biên bản và bế mạc đại hội

1. Ông Lê Xuân Tình - Thư ký Đại hội đọc dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023.

* Chủ tọa Đại hội lấy ý kiến cổ đông bằng biểu quyết thông qua nội dung trên.

- Kết quả biểu quyết thông qua toàn văn Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023:

✓ *Tán thành: 9.354.030 cổ phần, chiếm 100%/tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*

✓ *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0%/tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*

✓ *Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0%/tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*

2. Ông Lê Xuân Tình - Thư ký đại hội đọc dự thảo Biên bản Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023.

* Chủ tọa Đại hội lấy ý kiến cổ đông bằng biểu quyết thông qua nội dung trên.

- Kết quả biểu quyết thông qua toàn văn Biên bản Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023:

✓ *Tán thành: 9.354.030 cổ phần, chiếm 100%/tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*

✓ *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0%/tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*

✓ *Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0%/tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*

Biên bản này được thư ký Đại hội ghi lại đầy đủ, trung thực đã được đọc trước Đại hội và được Đại hội biểu quyết thông qua.

3. Ông Đỗ Huy Hùng - Chủ tọa phát biểu cảm ơn và bế mạc Đại hội.

Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI năm 2023, kết thúc vào hồi 13 giờ 30 phút cùng ngày./.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Lê Xuân Tình

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TOẠ**
















Đỗ Huy Hùng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI



ST T	HỌ VÀ TÊN	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN			SỐ CMND/CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	KÝ XÁC NHẬN	HỌ VÀ TÊN
		SL CP THAM DỰ	VỐN CP NN	TỔNG CỘNG					
1	ĐỖ HUY HÙNG	551.400	6.165.960	6.717.360	022062000339	14/03/2016	Cục CSDKQL cư trú và DLQG về dân cư		Đỗ Huy Hùng
2	LÊ THỊ THU HIỀN	606.140		606.140	090656943	4/3/2019	CA Thái Nguyên		Lê Thị Thu Hiền
3	TRẦN QUANG KHAI	368.680		368.680	019073008808	28/08/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Trần Quang Khai
4	LÊ BÁ CHỨC	18.840		18.840	090590490	10/5/2015	CA Thái Nguyên		Lê Bá Chức
5	PHẠM MẠNH TIẾN	7.920		7.920	090594547	28/05/2021	CA Thái Nguyên		Phạm Mạnh Tiến
6	NGUYỄN THỊ THU HOÀI	59.000		59.000	019188006028	5/9/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Nguyễn Thị Thu Hoài
7	HÀ VĂN CHUYỀN	30.000		30.000	030066018317	22/11/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Hà Văn Chuyền
8	PHẠM TRUNG HỢP	8.880		8.880	090679288	26/09/2009	CA Thái Nguyên		Phạm Trung Hợp
9	NGUYỄN VĂN VƯỢNG	5.400		5.400	026066003807	25/04/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Nguyễn Văn Vượng
10	TÓNG THANH SƠN	19.320		19.320	019080014304	8/11/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Tống Thanh Sơn
11	ĐỖ TRUNG KIÊN	4.380		4.380	019077062100	17/07/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Đỗ Trung Kiên

ST T	HỌ VÀ TÊN	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN			SỐ CMND/CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	KÝ XÁC NHẬN	HỌ VÀ TÊN
		SL CP THAM DỰ	VỐN CP NN	TỔNG CỘNG					
12	HÀ QUANG TIẾN	12.000		12.000	091576396	10/3/2020	CA Thái Nguyên		Hà Quang Tiến
13	LÊ QUANG GIÁP	196.680		196.680	042073009826	25/06/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Lê Quang Giáp
14	NGUYỄN QUANG LÂM	34.570		34.570	03007313066	28/08/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Nguyễn Quang Lâm
15	LÊ XUÂN TÌNH	44.600		44.600	001072037055	28/08/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Lê Xuân Tình
16	ĐỖ VĂN NGHỊ	16.080		16.080	036078013313	31/08/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Đỗ Văn Nghị
17	HỒ NGỌC LONG	28.200		28.200	090678266	18/01/2015	CA Thái Nguyên		Hồ Ngọc Long
18	NGUYỄN THANH TRƯỜNG	59.500		59.500	090508515	23/05/2015	CA Thái Nguyên		Nguyễn Thanh Trường
19	NGUYỄN THỊ VIỆT HOA	133.560		133.560	090705878	13/11/2014	CA Thái Nguyên		Nguyễn Thị Việt Hoa
20	TRỊNH THỊ BÌNH	31.800		31.800	019174002168	29/04/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Trịnh Thị Bình
21	VŨ MẠNH HẢI	18.120		18.120	090756700	2/2/2015	CA Thái Nguyên		Vũ Mạnh Hải
22	NÔNG DUY HIỆP	12.240		12.240	019080001727	25/04/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Nông Duy Hiệp
23	LÊ HUY HOÀNG	60.600		60.600	090649254	6/9/2016	CA Thái Nguyên		Lê Huy Hoàng
24	NGUYỄN THỊ HẰNG	6.000		6.000	001173034353	02/11/2022	Cục CSQLHC về trật tự XH		Nguyễn Thị Hằng

22240-C
 G TY
 HẠN
 LA HỀ
 MI
 CHẾ NH

T. P. B. N. T. P. B. N.

ST T	HỌ VÀ TÊN	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN			SỐ CMND/CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	KÝ XÁC NHẬN	HỌ VÀ TÊN
		SL CP THAM DỰ	VỐN CP NN	TỔNG CỘNG					
25	TRẦN ĐỨC MẠNH	4.020		4.020	090672554	24/05/2008	CA Thái Nguyên		Trần Đức Mạnh
26	NGUYỄN VĂN HƯƠNG	8.880		8.880	0191061000019	25/7/2022	Cục CSQLHC về trật tự XH		Nguyễn Văn Hương
27	HOÀNG THỊ THÙY	599.880		599.880	019173001154	18/04/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Hoàng Thị Thủy
28	ĐÌNH QUANG VƯỢNG	212.100		212.100	36089005703	10/7/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Đình Quang Vượng
29	NGUYỄN VĂN TOÀN	2.160		2.160	019078012350	15/1/2023	Cục CSQLHC về trật tự XH		Nguyễn Văn Toàn
30	NGUYỄN ANH TUẤN	5.000		5.000	040083014147	25/6/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Nguyễn Anh Tuấn
31	NGUYỄN NGỌC QUANG	8.720		8.720	038060011720	25/4/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Nguyễn Ngọc Quang
32	KHUẤT CAO KHUÊ	11.000		11.000	001095023512	19/8/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Khuất Cao Khuê
33	PHAN NGỌC SƠN	13.400		13.400	013543053	18/12/2013	CA Hà Nội		Phan Ngọc Sơn
TỔNG CỘNG		3.199.070	6.165.960	9.365.030					78,04

Bằng chữ: Chín triệu, ba trăm sáu mươi năm ngàn, không trăm ba mươi cổ phần)

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 3 năm 2023

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông

Căn cứ theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ vào theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về nội dung báo cáo của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng Cổ đông;

Hội đồng quản trị, xin báo cáo tình hình hoạt động của như sau:

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi:

Ưu thế về chất lượng sản phẩm và thương hiệu xi măng La Hiên trong gần 30 năm qua vẫn được duy trì và phát triển, uy tín sử dụng tại các tỉnh khu vực phía Bắc, sản phẩm phù hợp với các công trình dân dụng nhất là sản phẩm xi măng PCB30 được nhiều người tin dùng do vậy cơ cấu sản lượng tiêu thụ xi măng PCB 30 La Hiên năm sau cao hơn năm trước đã mang lại hiệu quả cao cho Công ty.

2. Khó khăn:

Trong những năm qua thị trường xi măng cạnh tranh rất khốc liệt do tình trạng cung vượt cầu lớn. Tính đến hết năm 2022 theo số liệu báo cáo, hiện cả nước có 57 nhà máy xi măng với 82 dây chuyền sản xuất xi măng lò quay đang hoạt động. Tổng công suất thiết kế của cả nước xấp xỉ 110 triệu tấn xi măng/năm, đến cuối năm 2022 đã có thêm dây chuyền 3 nhà máy xi măng Xuân Thành công suất 4,5 triệu tấn xi măng/năm đi vào vận hành. Ngoài ra, còn một số nhà máy xi măng có công suất từ 1,8 - 2,3 triệu tấn xi măng/năm vẫn đang được xây dựng.

Trong đó nhu cầu xi măng năm 2022 ước đạt 62,24 triệu tấn, giảm 3,2% so với năm 2018. Xuất khẩu xi măng năm 2021 đạt 18,2 triệu tấn khi nhu cầu nhập khẩu từ Philippines, Nam Phi, Nam Mỹ và Trung Quốc gia tăng. Xuất khẩu clinker năm 2021 đạt 25,9 triệu tấn khi nhu cầu nhập khẩu bùng nổ từ thị trường Trung Quốc. Tuy nhiên, năm 2022 sản lượng clinker giảm mạnh còn 13,1 triệu tấn do Trung Quốc kiểm soát dịch Covid-19 và thị trường bất động sản đóng băng.

Về thị trường xuất khẩu xi măng: Do áp lực dư thừa xi măng từ thị trường nội địa, các doanh nghiệp xi măng tích cực đẩy mạnh xuất khẩu xi măng, clinker. Tuy nhiên thị trường xuất khẩu đang chịu những bất lợi trong cuộc cạnh tranh về giá với các nước như Trung Quốc, Thái Lan kể từ khi Chính phủ không có chính sách hỗ trợ xi măng xuất khẩu. Thị trường xuất khẩu khó khăn càng làm tăng thêm áp lực cạnh tranh cho thị trường nội địa đặc biệt là đối với các doanh nghiệp xi măng khu vực Miền Bắc nước ta.

B. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA HĐQT

I. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HĐQT trong nhiệm kỳ 2018 - 2023:

Trong nhiệm kỳ 2013 - 2018 là nhiệm kỳ thứ 3 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên, HĐQT Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI về cơ bản đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao, hoạt động tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT. Hiệu quả hoạt của Công ty luôn duy trì tăng trưởng hàng năm, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính như doanh thu, lợi nhuận và cổ tức hàng năm về cơ bản đều hoàn thành và trong những năm cuối của nhiệm kỳ (2020,2021,2022) đều có mức tăng trưởng vượt bậc so với kế hoạch được Đại hội đồng Cổ đông thông qua, nguồn vốn được bảo toàn và phát triển. Tất cả các hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI được thực hiện theo quy định của Điều lệ, các quy chế của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

1. Về công tác tổ chức và hoạt động của HĐQT:

Hội đồng quản trị : Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2018-2023 đã bầu gồm có 05 thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Đỗ Huy Hùng	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT
3	Ông Hà Văn Chuyên	Thành viên HĐQT
4	Bà Lê Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT
5	Ông Trịnh Quốc Bình	Thành viên HĐQT

- Ngày 29 tháng 12 năm 2021 Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2021 đã bầu Ông Trần Quang Khải là thành viên HĐQT thay thế Ông Nguyễn Văn Dũng.

- Ngay sau Đại hội đồng Cổ đông nhiệm kỳ 2018 - 2023, HĐQT Công ty đã khẩn trương kiện toàn bộ máy quản lý điều hành, hoàn thiện các quy chế hoạt động và xây dựng cơ chế quản lý điều hành mới nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý và điều hành của Công ty.

Đồng thời với việc hoàn thiện cơ chế quản lý, HĐQT đã bổ nhiệm 01 thư ký HĐQT để giúp việc cho HĐQT Công ty trong việc tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông, HĐQT; ghi chép các biên bản họp, thực hiện các nội dung khác theo điều lệ Công ty.

Định kỳ HĐQT đã tổ chức các phiên họp, nội dung các cuộc họp của HĐQT đều được cụ thể hóa bằng các biên bản và Nghị quyết. Các thành viên Ban Kiểm soát cũng được mời tham gia và đóng góp ý kiến tại tất cả các phiên họp của HĐQT. Các quyết nghị, chỉ đạo, định hướng của HĐQT được ban hành kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Công ty, tạo điều kiện để Ban điều hành chủ động hơn trong việc tổ chức triển khai thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh trong các năm qua.

Tại thời điểm hiện tại, số lượng thành viên HĐQT Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI là 5 thành viên.

2. Về tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và các quyết sách lớn của HĐQT công ty nhiệm kỳ 2018 - 2023:

Trong nhiệm kỳ 2018 - 2023, HĐQT đã triệu tập và tổ chức các Đại hội đồng Cổ đông thường niên hàng năm dưới hình thức họp trực tiếp. Việc triệu tập, tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông tuân thủ theo đúng quy định pháp luật và điều lệ Công ty. Về cơ bản HĐQT đã quản lý, chỉ đạo Ban điều hành hoàn thành tốt các chỉ tiêu do Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện tốt và thể hiện rõ vai trò là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền và nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng quản trị đã thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, thực hiện việc tổ chức quản lý chặt chẽ đảm bảo lợi ích cho Công ty và các cổ đông.

Ngoài các cuộc họp trên, HĐQT còn thường xuyên phối hợp với Ban Giám đốc Công ty để nắm bắt kịp thời tình hình đầu tư, sản xuất, kinh doanh nhằm đề ra các giải pháp cấp thiết để hoạt động của Công ty không bị đình trệ, hoạt động có hiệu quả hơn trước những khó khăn bất ổn trong kinh tế của cả nước, đặc biệt là những khó khăn trong ngành. Nhờ đó, nhiệm kỳ năm 2018-2023 Công ty hoàn thành toàn diện vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch Đại hội đồng Cổ đông đề ra về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận. Được nằm trong nhóm đơn vị sản xuất kinh doanh ổn định, sử dụng đồng vốn hợp lý có hiệu quả, có uy tín trên thị trường.

Chỉ đạo tốt việc ban hành các quy chế phục vụ cho công tác quản lý điều hành và đưa ra các chủ trương, định hướng cho hoạt động SXKD của Công ty. Các nội dung nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đều được Công ty thể hiện đầy đủ tại Báo cáo thường niên hàng năm và công bố thông tin theo quy định.

3. Công tác giám sát đối với Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý

Trong nhiệm kỳ 2018 - 2023 Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò giám sát đối với Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý thuộc diện HĐQT quản lý; hàng năm HĐQT đã thực hiện kiểm điểm đánh giá và xếp loại cán bộ quản lý.

Nhiệm kỳ qua bộ máy điều hành đã bám sát nhiệm vụ theo nghị quyết các kỳ Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại các kỳ Đại hội và các nghị quyết triển khai của HĐQT nên đã điều hành và chỉ đạo các phòng ban; phân xưởng thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh nên đã đạt được kết quả doanh thu và lợi nhuận luôn đạt kế hoạch.

4. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính đạt được

Để thực hiện các nghị quyết của HĐQT cơ quan điều hành đã đề ra các giải pháp phù hợp với thực tế sản xuất, tiêu thụ từng thời điểm, từng khu vực khác nhau. Kết quả thực hiện chỉ tiêu SXKD chính năm 2018 - 2023 như sau:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả thực hiện						So sánh (%)				
			2017	2018	2019	2020	2021	2022	2018/ 2017	2019/ 2018	2020/ 2019	2021/ 2020	2022/ 2021
1	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	729.556	806.637	743.515	781.663	805.916	769.845	110,57	92,17	105,13	103,10	95,52
2	Tổng doanh thu	Đồng	650.532.113.029	720.636.711.235	689.684.527.536	712.934.817.500	733.785.505.193	811.808.649.177	110,78	95,70	103,37	102,92	110,63
3	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	35.034.632.686	39.132.131.116	47.971.632.306	57.419.662.406	68.383.374.884	70.444.778.880	111,70	122,59	119,70	119,09	103,01
4	Tỷ lệ trả cổ tức	%	15	17	40(*)	25	35	35	113,33	235,29	62,50	140,00	100,00
5	Thu nhập bình quân	Ng.đ/ng/ th	8.041	9.363	11.083	12.835	14.469	14.984	116,44	118,37	115,81	112,73	103,56

(*) Trong đó: 20% trả bằng tiền mặt, 20% trả bằng cổ phiếu

5. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT:

Nhằm đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, BKS đối với việc quản trị, điều hành quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong nhiệm kỳ qua Công ty đã chi trả tiền lương, thưởng, thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS theo đúng nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông hàng năm.

II. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HĐQT trong năm 2022 và định hướng hoạt động trong năm 2023:

Hội đồng quản trị xin báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT trong năm 2022 và định hướng hoạt động của HĐQT năm 2023 như sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị:

a) Thực hiện chi trả thù lao và tiền thưởng cho các Thành viên HĐQT năm 2021 theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 với biểu chi tiết sau:

DVT: Đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
1	Đỗ Huy Hùng	CT HĐQT	10.024.560	89.107.200	99.131.760
2	Nguyễn Văn Dũng (*)	TV HĐQT	75.315.783	74.880.000	150.195.783
2	Trần Quang Khải (**)	TV HĐQT	51.175.662	0	51.175.662
3	Lê Thị Thu Hiền	TV HĐQT	22.571.509	74.880.000	97.451.509
4	Hà Văn Chuyên	TV HĐQT	8.424.000	74.880.000	83.304.000
5	Trịnh Quốc Bình	TV HĐQT	8.424.000	74.880.000	83.304.000
	Tổng cộng:		175.935.514	388.627.200	564.562.714

(*) Đến ngày 28/12/2021

(**) Từ ngày 29/12/2021

b) Thực hiện chi trả thù lao năm 2022 như sau:

Việc chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT được chi trả theo hình thức tạm ứng hàng tháng với mức 80% mức chi trả theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022; sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua mức chi trả tiền thù lao và tiền thưởng cho các thành viên HĐQT năm 2021; thì HĐQT công ty căn cứ để thực hiện chi trả.

Trong năm 2022 các thành viên HĐQT đã được tạm ứng thù lao như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
1	Đỗ Huy Hùng	CT HĐQT		45.696.000	45.696.000

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
2	Trần Quang Khải	TV HĐQT		38.400.000	38.400.000
3	Lê Thị Thu Hiền	TV HĐQT		38.400.000	38.400.000
4	Hà Văn Chuyển	TV HĐQT		38.400.000	38.400.000
5	Trịnh Quốc Bình	TV HĐQT		38.400.000	38.400.000
	Tổng cộng:			199.296.000	199.296.000

2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 06 phiên họp trực tiếp, trực tuyến; 12 phiên họp gián tiếp (bằng hình thức xin ý kiến); đã ban hành 80 nghị quyết và quyết định về các vấn đề chiến lược, các quyết định quan trọng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của công ty thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT. Các phiên họp đều có sự tham dự họp và đóng góp ý kiến của Ban Kiểm soát, Ban giám đốc Công ty.

Các cuộc họp của HĐQT đã thực hiện theo đúng điều lệ; thành phần tham dự họp HĐQT được tham dự đầy đủ; tài liệu cung cấp cho các thành viên HĐQT được cung cấp đầy đủ và đúng thời gian quy định; các thành viên HĐQT đã thực hiện đầy đủ quyền hạn của mình trong việc biểu quyết thông qua các vấn đề trong nghị quyết cuộc họp.

3. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Trong năm 2022 Công ty có thực hiện việc ký kết các hợp đồng giao dịch với các bên liên quan như sau:

Do sơ xuất trong việc in ấn tài liệu nay đính chính lại mục giá trị hợp đồng.

DVT: đồng

Số TT	Số hợp đồng	Ngày ký	Tên đơn vị	Hàng hóa	Giá trị hợp đồng	Giá trị thực hiện năm 2022
A	HỢP ĐỒNG MUA				216.631.328.775	227.592.726.075
I	Nhiên liệu, vật liệu, dịch vụ					
1	Hợp đồng số: 102/HĐ/TKV-XMLH Hợp đồng số: 219/HĐ/TKV-XMLH	30/06/2022 29/12/2022	Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam	Mua than cám 5a.6 phục vụ sản xuất	145.900.000.000	176.254.336.910

Số TT	Số hợp đồng	Ngày ký	Tên đơn vị	Hàng hóa	Giá trị hợp đồng	Giá trị thực hiện năm 2022
2	Hợp đồng số 3817/HĐMB-TKV-XMLH	28/12/2021	Công ty than Khánh Hòa VVMI	Mua đá thải sau sàng phục vụ sản xuất	4.277.000.000	3.848.209.365
3	Hợp đồng số 341HĐKT-KHVT Hợp đồng số 104/HĐKT-KHVT	24/09/2022 01/04/2022	Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	Mua vỏ bao phục vụ sản xuất	64.440.752.775	45.670.879.800
4	Hợp đồng số 26/2022/HĐ-TTĐD Hợp đồng số 09/HĐ-TTĐD	25/07/2022 29/04/2022	Trung tâm điều dưỡng Ngành than VVMI	Cung cấp dịch vụ thăm quan nghỉ mát	752.776.000	747.620.000
5	Hợp đồng số 260/HĐKT-KHVT	04/8/2022	Công ty cổ phần khách sạn Thái Nguyên VVMI	Cung cấp dịch vụ thăm quan nghỉ mát	1.260.800.000	1.071.680.000
B	HỢP ĐỒNG BÁN				45.158.306.384	45.158.306.384
1	Hợp đồng số 15/2022/HĐ-KDĐT	01/1/2022	Hợp tác xã Sản xuất - Dịch Vụ Hoàng Thịnh Phát	Bán xi măng	45.098.306.384	45.098.306.384
2	Hợp đồng số 321/HĐKT-KHVT	30/9/2020	Công ty CP xi măng Tân Quang VVMI	Cho thuê cân cấp liệu than	60.000.000	60.000.000

4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Công ty có 01 thành viên HĐQT độc lập; thành viên HĐQT độc lập đã đứng vai trò độc lập trong việc tham gia biểu quyết các nghị quyết của HĐQT; bảo vệ quyền lợi và lợi ích của các cổ đông đặc biệt là lợi ích của cổ đông nhỏ lẻ; giám sát việc thực hiện quy chế trả lương; các hợp đồng với đối tượng liên quan; giám sát việc ban hành các quy chế hoạt động của công ty; năm 2022 thành viên HĐQT độc lập đánh giá HĐQT công ty đã đoàn kết tốt; sát sao trong việc lãnh đạo và chỉ đạo bộ máy điều hành biết tận dụng cơ hội trong kinh doanh, tiết kiệm chi phí; hoạt động sản xuất kinh doanh đạt kết quả tốt.

5. Kết quả hoạt động của từng thành viên HĐQT

Nhìn chung năm 2022, Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ đã được quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật hiện hành. Hội đồng quản trị đã thể hiện rõ vai trò của mình, luôn cố gắng hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được phân công; đoàn kết, hợp tác giúp đỡ nhau cùng hoàn thành nhiệm vụ và xây dựng Công ty ngày càng phát triển vững mạnh, cụ thể như sau:

5.1. Ông Đỗ Huy Hùng - Chủ tịch HĐQT

Là người đứng đầu và chịu trách nhiệm chung về mọi hoạt động của Công ty, chỉ đạo việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của HĐQT quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành của pháp luật, Quy chế hoạt động của HĐQT và tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT;

Luôn chủ trì phân công các uỷ viên HĐQT chuẩn bị nội dung họp và kết luận về những nội dung thảo luận trong phiên họp HĐQT, xem xét kiến nghị của Ban Kiểm soát công ty và giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT; việc xây dựng chủ trương, định hướng chiến lược, quy hoạch phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm; chương trình đầu tư các dự án, phương án điều chỉnh vốn và các nguồn lực, phương án tổ chức sản xuất của Công ty;

Luôn sát sao theo dõi, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ giữa hai kỳ họp HĐQT, theo dõi, giám sát công tác cán bộ thuộc thẩm quyền của Giám đốc công ty và các công việc khác trong hoạt động SXKD thuộc chức năng của HĐQT.

Với vai trò là Chủ tịch HĐQT ông Đỗ Huy Hùng đã luôn thể hiện rất tốt trách nhiệm của mình trong việc thực thi nhiệm vụ góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch SXKD mà Đại hội đồng Cổ đông đã đề ra.

Trong năm 2022 Ông Đỗ Huy Hùng đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

5.2. Ông Trần Quang Khải - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty

Là người đại diện theo pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật Nhà nước về quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, theo Điều lệ của công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước, tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT, trực tiếp chỉ đạo, tổ chức trong mọi hoạt động SXKD tại Công ty và các nhiệm vụ theo phân công của HĐQT.

Ông Trần Quang Khải luôn thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm của mình trong thực thi nhiệm vụ. Là một lãnh đạo năng động, nhiệt tình, dám nghĩ, dám làm và đưa ra nhiều quyết sách, những giải pháp đột phá nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động SXKD và đã đạt được kết quả đáng khích lệ.

Với vai trò là Giám đốc điều hành ông Trần Quang Khải đã luôn thể hiện rất tốt trách nhiệm của mình trong việc thực thi nhiệm vụ góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch SXKD mà Đại hội đồng Cổ đông đã đề ra.

Trong năm 2022 Ông Trần Quang Khải đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

5.3. Bà Lê Thị Thu Hiền - Thành viên HĐQT

Với chức năng, nhiệm vụ được phân công luôn theo dõi sát sao công tác Kế toán - Thống kê - Tài chính đảm bảo thực hiện đúng, đủ các nghiệp vụ kinh

tế phát sinh và đúng quy định của pháp luật. Đề xuất các lĩnh vực liên quan đến nguồn vốn, tín dụng, kiểm tra giám sát việc sử dụng vốn góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong sản xuất kinh doanh nhằm tiết kiệm nhất chi phí hoạt động tài chính của Công ty;

Bà Lê Thị Thu Hiền luôn nhiệt tình trong công việc, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, năng động, nhạy bén trong điều hành, phối hợp với các phòng ban chức năng đảm bảo tốt công tác bán hàng và thu hồi công nợ; thận trọng trong xây dựng điều hành việc thực hiện kế hoạch SXKD, đầu tư xây dựng, các quy chế quản lý và các lĩnh vực khác trong hoạt động của Công ty, thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước và các các nhiệm vụ khác của HĐQT; Góp phần tích cực thực hiện tốt kế hoạch điều hành sản xuất, nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty.

Với vai trò được phân công đã luôn thể hiện rất tốt trách nhiệm của mình trong việc thực thi nhiệm vụ góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch SXKD mà ĐHĐCĐ đã đề ra.

Trong năm 2022 Bà Lê Thị Thu Hiền đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

5.4. Ông Hà Văn Chuyên – Thành viên HĐQT.

Với chức năng, nhiệm vụ được phân công luôn theo dõi sát sao công tác nghiên cứu, mở rộng thị trường, phát triển tiêu thụ sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu của Công ty; kiểm tra, giám sát công tác cơ điện; Thẩm định các dự án đầu tư; các hợp đồng mua bán vật tư; mua bán tài sản thuộc diện HĐQT phê duyệt và các nhiệm vụ khác của HĐQT.

Ông Hà Văn Chuyên luôn thể hiện cao vai trò, trách nhiệm của mình, trong các cuộc họp đã luôn đưa ra những đề xuất, giải pháp trong thiết thực trong việc thực hiện các nghị quyết và công tác điều hành, quản lý của Công ty góp phần thực hiện tốt kế hoạch điều hành sản xuất của Công ty.

Với vai trò được phân công đã luôn thể hiện rất tốt trách nhiệm của mình trong việc thực thi nhiệm vụ góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch SXKD mà Đại hội đồng Cổ đông đã đề ra.

Trong năm 2022 Ông Hà Văn Chuyên đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

5.5. Ông Trịnh Quốc Bình - Thành viên HĐQT

Với chức năng, nhiệm vụ được phân công luôn theo dõi sát sao việc thẩm định về tính pháp lý trong việc sửa đổi hoặc biên soạn mới Điều lệ; các quy chế quản lý trong công ty. Tham gia chỉ đạo xây dựng chiến lược phát triển Công ty và các nhiệm vụ khác của HĐQT.

Ông Trịnh Quốc Bình luôn thể hiện cao vai trò, trách nhiệm của mình, trong các cuộc họp đã luôn đưa ra những quan điểm, đề xuất, đóng góp ý kiến trong việc thực hiện các nghị quyết và công tác điều hành, quản lý của Công ty

góp phần thực hiện tốt kế hoạch điều hành sản xuất của Công ty, thực hiện thắng lợi kế hoạch SXKD mà Đại hội đồng Cổ đông đã đề ra.

Trong năm 2022 Ông Trịnh Quốc Bình đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị xin được trình trước Đại hội.

6. Kết quả giám sát đối với Giám đốc Công ty và người điều hành khác.

Trong năm 2022 Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò giám sát đối với Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý thuộc diện HĐQT quản lý; hàng năm HĐQT đã thực hiện kiểm điểm đánh giá và xếp loại cán bộ quản lý kết quả cụ thể như sau:

Bảng xếp loại giám đốc điều hành và cán bộ quản lý năm 2022.

TT	Họ và tên	Chức danh	Xếp loại năm 2022
1	Trần Quang Khải	Giám đốc	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
2	Lê Bá Chức	Phó giám đốc	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
3	Phạm Mạnh Tiến	Phó giám đốc	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
4	Nguyễn Thị Thu Hoài	Kế toán trưởng	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

*** Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.**

- Ban giám đốc Công ty đã thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao ban để nắm bắt, trao đổi tình hình hoạt động trong SXKD nhằm đưa ra các giải pháp khắc phục, thực hiện kịp thời.

- Giao kế hoạch SXKD cho các bộ phận theo tháng, quý nhằm kịp thời khắc phục những sai lệch và có cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu.

- Quản lý và sử dụng vốn linh hoạt, tiết kiệm tốt các chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Quản lý tốt hệ thống chất lượng, đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định và có uy tín trên thị trường.

- Mạnh dạn, đột phá trong khâu chỉ đạo áp dụng các giải pháp kỹ thuật công nghệ mới và đã thu được những thành công nhất định, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất của Công ty.

Có thể nói đây tiếp tục là một năm ban điều hành Công ty hoạt động rất tích cực; với tinh thần đồng tâm, đoàn kết làm việc với trách nhiệm cao lên, năm qua Công ty tiếp tục gặt hái được nhiều thành công.

7. Kế hoạch năm 2023

Năm 2023 dự báo tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Tăng trưởng kinh tế, thương mại quốc tế tiếp tục xu hướng giảm; bảo hộ thương mại gia tăng; cạnh tranh giữa các nước lớn và xung đột ở nhiều nơi gay gắt. Các thách thức an ninh phi truyền thống, nhất là thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, an toàn thông tin, an ninh mạng và tội phạm ngày càng gia tăng. Mặt khác do ảnh hưởng của cuộc xung đột vũ trang giữa Nga và Ukraine vẫn đang tiếp diễn làm cho giá nguyên, nhiên vật liệu không ngừng tăng cao gây ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản xuất của công ty.

Năm 2022 dự báo thị trường tiêu thụ xi măng vẫn cạnh tranh khốc liệt và có những diễn biến thay đổi khó lường, khó khăn và thách thức đối với Công ty còn lớn. Tình hình đó sẽ tác động trực tiếp ảnh hưởng tới hoạt động SXKD của Công ty. Đánh giá được những thuận lợi, khó khăn trên HĐQT, Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh và một số định hướng cần tiếp tục phải được thực hiện trong năm 2023 như sau:

a. Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2023:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Ghi chú
A	Chỉ tiêu hiện vật			
I	Sản lượng sản xuất	Tấn	740.000	
1	Xi măng	“	690.000	
2	Clinker thương phẩm	“	50.000	
II	Sản lượng tiêu thụ	“	740.000	
1	Xi măng	“	690.000	
2	Clinker thương phẩm	“	50.000	
B	Doanh thu, Thu nhập khác	Tr.đ	745.000	
1	Xi măng	Tr.đ	705.854	
2	Clinker thương phẩm	Tr.đ	34.090	
3	Doanh thu và thu nhập khác	Tr.đ	5.056	
C	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	58.000	
D	Cổ tức %VĐL	%	25,00	
G	Nộp NS nhà nước	Tr.đ	41.862	
E	Lao động và tiền lương			
1	Lao động thực tế	Người	547	
2	Tiền lương bình quân	trđ/ng/thg	12,19	

b. Công tác đầu tư xây dựng

Mục tiêu trong công tác đầu tư xây dựng của Công ty là huy động và sử dụng có hiệu quả cao nhất các nguồn vốn đầu tư, khai thác tối đa các nguồn lực để đầu tư hiệu quả. Đầu tư theo kế hoạch, thiết kế được duyệt đảm bảo cho dự án công trình bền vững, an toàn và hiệu quả, bảo vệ môi trường sinh thái. Thực hiện các bước công việc từ chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, đưa dự án vào khai thác sử dụng phải tuân thủ đúng pháp luật và các quy định hiện hành của nhà nước.

Kế hoạch ĐTXD năm 2023: Tổng giá trị đầu tư ước tính: **10.378** triệu đồng bao gồm các hạng mục, dự án chủ yếu như:

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (Tr.đ)
I	Công trình chuyển tiếp			1.028
	Dự án đầu tư trạm cân 120 tấn	HT	01	1.028
II	Công trình khởi công mới			
III	Chuẩn bị đầu tư			250
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ đá vôi Đồng Chuông (điều chỉnh)	HT	01	200
2	Dự án hệ thống xếp bao tự động	HT	01	50
IV	Dự phòng			9.100
1	Dự án nâng cấp HT tự động hóa (DCS) dây chuyền II (tạm tính 50%)	HT	01	4.200
2	Dự án hệ thống xếp bao tự động (tạm tính 50%)	HT	01	4.900
	Tổng cộng			10.378

c. Định hướng của Hội đồng quản trị:

1. Chỉ đạo ban điều hành có kế hoạch sửa chữa, đầu tư thay thế các máy móc thiết bị trong dây chuyền đảm bảo dây chuyền thiết bị được hoạt động thông suốt và bền vững. Tiếp tục nghiên cứu các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến áp dụng thay thế các thiết bị lạc hậu nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm chi phí sản xuất.

2. Chỉ đạo ban điều hành tìm mọi giải pháp về kỹ thuật, công nghệ để tăng mức Clinker và chất lượng xi măng. Nâng cao chất lượng nguồn nguyên liệu chính như đá vôi, sét, đất cao si líc... Tiếp tục nghiên cứu sử dụng nguồn nguyên vật liệu mới, sản phẩm phế thải của các nhà sản xuất công nghiệp khác có sẵn tại địa phương có giá thấp đưa vào sản xuất để giảm giá thành sản phẩm.

3. Chỉ đạo ban điều hành luôn quan tâm cải thiện môi trường làm việc cho người lao động luôn đảm bảo thông thoáng sạch sẽ thuận tiện, tăng cường vệ sinh công nghiệp thu gom xử lý chất thải công nghiệp. Thường xuyên kiểm tra giám sát các thông số môi trường lao động đưa ra các biện pháp và tổ chức thực hiện nhằm cải thiện điều kiện làm việc kịp thời và hiệu quả cho người lao động.

4. Chỉ đạo ban điều hành tăng cường công tác thị trường, giữ vững và tăng sản lượng tiêu thụ tại các thị trường truyền thống, mở thêm các thị trường mới để tăng sản lượng tiêu thụ. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, thông qua các biện pháp: Trọng tâm giảm tuổi nợ, xử lý nợ khó đòi, tăng vòng quay hàng tồn kho để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

5. Chỉ đạo ban điều hành rà soát đánh giá kỹ công tác lao động - tiền lương, có lộ trình tăng năng suất lao động, tiết giảm lao động, tuyển dụng lao động trẻ có trình độ chuyên môn, kỹ thuật tốt để đào tạo nhân sự bền vững cho hoạt động của Công ty. Thực hiện chế độ tiền lương của Công ty gắn với năng suất lao động và hiệu quả.

6. Chỉ đạo ban điều hành tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên trong Công ty; tăng cường đào tạo tay nghề, đặc biệt là đội ngũ vận hành phòng điều khiển trung tâm và các kỹ sư công nghệ.

7. Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu lại tổ chức theo hướng tinh gọn; tăng cường trách nhiệm của bộ máy điều hành; chỉ đạo rà soát, bổ sung, sửa đổi, ban hành các quy chế, quy định trong quản lý phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, cũng như phù hợp với các quy chế, qui định và pháp luật nhà nước.

8. Tạo điều kiện cho các Cổ đông thực sự là người làm chủ doanh nghiệp, đảm bảo quyền lợi của cổ đông; cải tiến, thiết lập phương thức quản lý tiên tiến, tạo động lực thúc đẩy công ty sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;BKS;
- Đăng tải trên Website Công ty;
- Lưu VT; Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đỗ Huy Hùng

DỰ THẢO

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022
VÀ NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023**

Thực hiện nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 30/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/04/2022, quyết định của HĐQT Công ty số 31/QĐ - HĐQT ngày 12/04/2021 về việc giao kế hoạch SXKD năm 2022, Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI báo cáo về kết quả SXKD năm 2022 và nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2023 cụ thể như sau:

**PHẦN THỨ NHẤT
TÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2022**

I. Đặc điểm tình hình

1. Thuận lợi

Sự quan tâm lãnh đạo của Đảng ủy và chỉ đạo của Hội đồng quản trị Công ty, sự đoàn kết nhất trí cao trong chỉ đạo điều hành của đội ngũ cán bộ và tập thể người lao động đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để Công ty hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ SXKD năm 2022.

2. Khó khăn

Năm 2022 trong bối cảnh nền kinh tế nước ta đang phải chịu ảnh hưởng từ các yếu tố bên ngoài như: Xung đột chính trị quân sự giữa Nga và Ucraina, giá nguyên, nhiên vật liệu đầu vào tăng cao, nhất là giá xăng dầu; lạm phát gia tăng ở nhiều nước trên thế giới; sự phục hồi kinh tế chậm ở các nước có đối tác thương mại lớn; dịch covid diễn biến phức tạp nhiều biến thể mới. Tình hình đứt gãy thương mại quốc tế gây ra những hệ lụy tới hoạt động sản xuất và xuất, nhập khẩu của Việt Nam.

Năm 2022 thị trường tiêu thụ xi măng nội địa tiếp tục cạnh tranh khốc liệt các sản phẩm của xi măng La Hiên đang cạnh tranh quyết liệt với nhiều các thương hiệu xi măng khác như xi măng Quang Sơn, Long Sơn, Thành Thắng, Xuân Thành, Visai, Pomihóa ... tại các thị trường chính như Thái Nguyên, Bắc cạn, Cao Bằng, Lạng Sơn. Do vậy, thị phần tiêu thụ sản phẩm xi măng La Hiên

đã và đang ảnh hưởng bởi các thương hiệu xi măng nói trên làm ảnh hưởng lớn đến sản lượng tiêu thụ của Công ty.

- Hệ thống thiết bị 02 dây chuyền sản xuất nằm trong tình trạng lạc hậu, năng suất thấp như hệ thống ghi lạnh, máy nghiền xi măng, máy đóng bao, hệ thống đo đếm tín hiệu điều khiển, Hệ thống thiết bị phân tích chất lượng sản phẩm, Hệ thống điều khiển tự động hóa (DCS)... cần có sự cải tiến để tăng năng suất thiết bị và chất lượng sản phẩm.

II. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2022

1. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2022	Thực hiện năm 2022	% TH/KH
1	2	3	4	5	6=5/4*100
A	Chỉ tiêu hiện vật				
I	Sản lượng sản xuất	Tấn	740.000	769.845	104,03
1	Xi măng	"	690.000	720.300	104,39
2	Clinker thương phẩm	"	50.000	49.545	99,09
II	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	740.000	769.845	104,03
-	Xi măng	"	690.000	720.300	104,39
-	Clinker thương phẩm	"	50.000	49.545	99,09
B	Doanh thu, thu nhập khác	Tr.đ	680.279	815.125	119,82
-	Xi măng	"	643.389	774.876	120,44
-	Clinker thương phẩm	"	31.818	36.117	113,51
-	Doanh thu, thu nhập khác		5.072	4.132	81,46
C	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	56.000	70.445	125,79
D	Cổ tức (dự kiến)	%	25	35	140
G	Nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đ	42.584	46.085	108,22
E	Lao động và thu nhập				
1	Lao động bình quân	Người	552	544	98,55
2	Tiền lương bình quân	đ/n/th	11.750.000	14.984.331	127,53

2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2022 trong bối cảnh nền kinh tế nước ta đang phải chịu ảnh hưởng từ các yếu tố bên ngoài như: Xung đột chính trị quân sự giữa Nga và Ucraina, giá nguyên, nhiên vật liệu đầu vào tăng cao, nhất là giá xăng dầu; lạm phát gia tăng ở nhiều nước trên thế giới; sự phục hồi kinh tế chậm ở các nước có đối tác thương mại lớn; dịch covid diễn biến phức tạp nhiều biến thể mới...đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Mặt khác thị trường xuất khẩu không ổn định, tăng giảm thất thường dẫn đến giá các loại xi măng trên thị trường biến động luôn có xu hướng giảm giá, đã làm ảnh hưởng lớn đến thị trường tiêu thụ của công ty.

Trong bối cảnh trên ngay từ những tháng đầu năm, nắm bắt được thị trường sẽ có nhiều diễn biến phức tạp, Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI đã khắc phục khó khăn, tích cực triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, Ban lãnh đạo Công ty luôn sát sao trong việc điều hành kế hoạch SXKD theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra, Công ty đã đưa ra những chính sách phù hợp, từ đó đã giữ vững và ổn định được thị trường tiêu thụ nhất là đối với thị trường truyền thống, tăng sản lượng tiêu thụ xi măng bao, tăng doanh thu bán hàng đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, trong năm 2022 sản lượng sản xuất và tiêu thụ đạt 769.845 tấn/KH 740.000 tấn bằng 104,03% ; doanh thu đạt 815.125 trđ/KH 680.279 trđ bằng 119,82%, lợi nhuận trước thuế đạt 70.445 trđ/KH 56.000 trđ bằng 125,79%.

Năm 2022 Ban lãnh đạo điều hành công ty đã phối hợp chặt chẽ với tổ chức công đoàn và các tổ chức đoàn thể, triển khai nhiệm vụ kế hoạch và phát động thi đua tới từng phòng ban, phân xưởng, tổ đội sản xuất, sự đoàn kết để vượt qua khó khăn trong lao động sản xuất của đội ngũ công nhân, cán bộ trong Công ty đã tạo nên không khí thi đua, thúc đẩy hoàn thành tốt công việc được giao.

Để có được kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 Công ty đã thực hiện các giải pháp điều hành sản xuất phù hợp và đạt được kết quả ở các lĩnh vực chủ yếu như: công tác kỹ thuật công nghệ, cơ điện - an toàn môi trường; công tác khoán quản trị; công tác tài chính kế toán; công tác tổ chức lao động...

Các chỉ tiêu sản lượng và doanh thu đều hoàn thành vượt mức so với kế hoạch, đồng thời Ban điều hành tiếp tục vận dụng tối đa các lợi thế trong kinh doanh, phát huy trí tuệ tập thể tiết kiệm tốt các yếu tố chi phí trong sản xuất, áp dụng tốt các sáng kiến kỹ thuật, công nghệ và lựa chọn bán hàng tại các vùng thị trường mang lại lợi ích cao do vậy đã mang lại lợi nhuận tốt hơn so với kế hoạch đề ra. Có thể nói Công ty cổ phần xi măng La Hiên năm 2022 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đề ra, sản xuất được duy trì ổn định; việc làm và đời sống của người lao động được quan tâm; lợi ích của các cổ đông được đảm bảo và tăng cao.

3. Dự án đầu tư thực hiện trong năm 2022

Công ty luôn ưu tiên những dự án có hiệu quả kinh tế cao và thực sự cần thiết trước. Trong năm 2022 Công ty đã triển khai thực hiện các dự án đầu tư chuyển tiếp và dự án đầu tư ghi trong kế hoạch năm, các dự án đã được triển khai và thực hiện cụ thể như sau:

a) Công trình khởi công mới

- Dự án Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2022 Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI (Gồm: 01 thiết bị quang phổ huỳnh quang tia X; 01 thiết bị máy xúc đào bánh lốp dung tích gầu 1÷ 1,2m³).

+ Gói thầu số 01: Thiết bị quang phổ huỳnh quang tia X (01 cái), đã hoàn thành công trình bàn giao đưa vào sử dụng ngày 23/11/2022 với giá trị là: 4,374 tỷ đồng.

+ Gói thầu số 02: Thiết bị máy xúc đào bánh lốp dung tích gầu 1÷ 1,2m³ (01 cái), đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng ngày 03/09/2022 với giá trị là: 3,480 tỷ đồng.

Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2022 đã kiểm toán và được HĐQT Công ty phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành với giá trị: 7,895 tỷ đồng.

- Dự án: Trạm cân 120 tấn.

+ Đã lựa chọn, ký hợp đồng với nhà thầu thi công gói xây dựng và gói cung cấp thiết bị, Dự án đang trong quá trình triển khai thực hiện.

b) Công trình dự phòng:

Dự án nâng cấp hệ thống tự động hóa (DCS) dây chuyền 2: Nhà thầu đã khảo sát và đang lập phương án kỹ thuật cho phù hợp hiện trạng của Công ty.

4. Tình hình công tác quản lý kế toán, tài chính

Hoạt động kế toán tài chính của Công ty đã thực hiện tốt chức năng tổ chức công tác hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tại Công ty. Đồng thời cũng làm tốt công tác trong hoạt động tài chính, góp phần điều tiết và sử dụng đồng vốn của Công ty một cách an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, nộp BHXH, y tế, thất nghiệp cho người lao động đầy đủ và đúng quy định. Thực hiện kiểm soát tốt các khoản thu chi theo đúng chế độ, đôn đốc các bộ phận chấp hành các quy định về kế toán tài chính.

Quản lý tốt tiền vốn, tài sản của Công ty; nguồn vốn được bảo toàn và tăng trưởng, sử dụng đồng vốn linh hoạt, tiết kiệm tốt chi phí tài chính góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty, cải thiện hệ số nợ phải trả trên vốn chủ, hệ số khả năng thanh toán và công nợ phải thu của khách hàng đạt vượt mức kế hoạch giao. Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty luôn được bảo toàn và tăng trưởng tốt, các hệ số tài chính được cải thiện rõ rệt.

5. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tiết giảm lao động tuyệt đối 07 người do chấm dứt hợp đồng lao động kể từ đầu năm đến thời điểm 31/12/2022 tổng số lao động còn 542 người.

Áp dụng Quy chế quản lý lao động, tiền lương, thu hút lao động thuộc khu vực sản xuất chính và có mức độ ảnh hưởng lớn trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Người lao động có tâm huyết làm việc lâu dài tại Công ty, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao, tay nghề giỏi, chấp hành tốt các nội quy, quy chế và sự phân công của đơn vị, đạt và vượt năng suất lao động giao khoán, bảo đảm tiến độ chất lượng sản phẩm và an toàn lao động.

Tiếp tục rà soát để quản lý chặt chẽ hơn các định mức tiêu hao vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng và các chi phí khác nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tiếp tục ban hành các quy chế quản lý nhằm quản lý tốt hơn và phù hợp với các quy định của pháp luật.

PHẦN THỨ HAI

NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH NĂM 2023

I. Đặc điểm tình hình:

Năm 2023 tình hình quốc tế, trong nước dự báo có những thời cơ thuận lợi, khó khăn thách thức đan xen. Trong bối cảnh tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp nhiều biến thể mới, nền kinh tế đối mặt với nhiều thách thức, sức ép lạm phát lớn, giá xăng, dầu, nguyên vật liệu đầu vào biến động mạnh; ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế nước ta. Dự báo thị trường tiêu thụ xi măng năm 2023 cạnh tranh rất khốc liệt, các thị trường xuất khẩu không ổn định, tăng giảm thất thường do cung vượt cầu, khó khăn và thách thức đối với Công ty là rất lớn.

Trong bối cảnh đó đòi hỏi chúng ta (toàn thể CNVC và NLĐ) tiếp tục nỗ lực hơn nữa vượt qua khó khăn thách thức để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2023 tạo tiền đề thuận lợi cho Công ty bước vào giai đoạn phát triển mới.

II. Nhiệm vụ và các giải pháp cụ thể trong công tác điều hành:

1. Nhiệm vụ thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2023

Bám sát các chỉ tiêu kinh tế mà ĐHĐCĐ đề ra, giao kế hoạch cụ thể cho các phòng ban phân xưởng theo từng tháng, quý để đảm bảo hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu đó được tốt nhất và mang lại hiệu quả cao nhất.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Ghi chú
A	Chỉ tiêu hiện vật			
I	Sản lượng sản xuất	Tấn	740.000	
1	Xi măng	“	690.000	
2	Clinker thương phẩm	“	50.000	
II	Sản lượng tiêu thụ	“	740.000	
1	Xi măng	“	690.000	
2	Clinker thương phẩm	“	50.000	
B	Doanh thu, Thu nhập khác	Tr.đ	745.000	
1	Xi măng	Tr.đ	705.854	

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Ghi chú
2	Clinker thương phẩm	Tr.đ	34.090	
3	Doanh thu và thu nhập khác	Tr.đ	5.056	
C	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	58.000	
D	Cổ tức %VĐL	%	25,00	
G	Nộp NS nhà nước	Tr.đ	41.862	
E	Lao động và tiền lương			
1	Lao động thực tế	Người	547	
2	Tiền lương bình quân	trđ/ng/thg	12,19	

2. Nhiệm vụ thực hiện công tác đầu tư xây dựng

Mục tiêu trong công tác đầu tư xây dựng của Công ty là huy động và sử dụng có hiệu quả cao nhất các nguồn vốn đầu tư, khai thác tối đa các nguồn lực để đầu tư hiệu quả. Đầu tư theo kế hoạch, thiết kế được duyệt đảm bảo cho dự án công trình bền vững, an toàn và hiệu quả, bảo vệ môi trường sinh thái. Thực hiện các bước công việc từ chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, đưa dự án vào khai thác sử dụng phải tuân thủ đúng pháp luật và các quy định hiện hành của nhà nước.

Kế hoạch ĐTXD năm 2023: Tổng giá trị đầu tư ước tính: **10.378** triệu đồng bao gồm các hạng mục, dự án chủ yếu như:

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (Tr.đ)
I	Công trình chuyển tiếp			1.028
	Dự án đầu tư trạm cân 120 tấn	HT	01	1.028
II	Công trình khởi công mới			
III	Chuẩn bị đầu tư			250
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ đá vôi Đòng Chuông (điều chỉnh)	HT	01	200
2	Dự án hệ thống xếp bao tự động	HT	01	50
IV	Dự phòng			9.100
1	Dự án nâng cấp HT tự động hóa (DCS) dây chuyền II (tạm tính 50%)	HT	01	4.200
2	Dự án hệ thống xếp bao tự động (tạm tính 50%)	HT	01	4.900

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (Tr.đ)
	Tổng cộng			10.378

3. Về các giải pháp cụ thể trong công tác điều hành

- Bám sát các chỉ tiêu trong kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2023 mà ĐHĐCĐ đã thông qua và HĐQT triển khai thực hiện theo từng quý để đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề ra.

- Có kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa định kỳ thiết bị 2 dây chuyền sản xuất khắc phục tối đa những sự cố thiết bị dây chuyền, trọng tâm là sửa chữa lớn các hạng mục chính đảm bảo điều kiện tốt nhất cho dây chuyền hoạt động tối đa. Nghiên cứu thay thế thiết bị dây chuyền 2 đã lạc hậu về kỹ thuật năng suất thấp; Tìm mọi giải pháp về kỹ thuật, công nghệ để tăng mức Clinker sản xuất.

- Công tác đầu tư tiếp tục được đẩy mạnh theo hướng áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới cải tiến và hoàn thiện từng công đoạn sản xuất trong 02 dây chuyền lò quay xi măng loại bỏ thiết bị cũ lạc hậu về kỹ thuật không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh sản phẩm đảm bảo tăng trưởng hợp lý, bền vững.

- Tiếp tục duy trì sản xuất ổn định, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị chi phí với mô hình phù hợp, tiết kiệm chi phí, nâng cao thời gian huy động, năng suất thiết bị, chất lượng, hiệu quả.

- Tiếp tục công tác mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm: Bám sát những diễn biến của thị trường để điều chỉnh chính sách kịp thời phù hợp, giữ thị trường truyền thống nhất là thị trường tiêu thụ trong tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh lân cận.

- Quản lý tốt công tác khoán quản trị, giao chi phí sản xuất chặt chẽ, sát với tình hình thực tế đảm bảo cụ thể, hiệu quả phù hợp giá thành sản xuất. Cung ứng kịp thời, đầy đủ về chủng loại, đảm bảo chất lượng, hợp lý về giá cả vật tư phụ tùng phục vụ sản xuất, có kế hoạch dự trữ vật tư cho SXKD hợp lý giúp quản lý tốt chỉ tiêu tồn kho vật tư, tiết kiệm chi phí sử dụng vốn kinh doanh.

- Luôn đáp ứng đầy đủ, kịp thời nguồn vốn cho hoạt động SXKD của Công ty. Nhạy bén, linh hoạt trong công tác sử dụng vốn, nâng cao hiệu quả dòng vốn. Thực hiện đúng theo qui định của Nhà nước về quản lý tài chính, hạn chế rủi ro trong kinh doanh.

- Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, công nghệ mới nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tiết kiệm nhiên liệu, điện năng giảm chi phí sản xuất kinh doanh, tìm kiếm các nguồn cung cấp nguyên vật liệu đảm bảo chất lượng và ổn định.

- Tăng cường áp dụng tin học hóa, tự động hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm tiết giảm lao động và nâng cao năng suất, đảm bảo năng lực cạnh tranh và phù hợp với xu thế phát triển của xã hội.

- Thực hiện tái cơ cấu sản xuất kinh doanh, biến những khó khăn thách thức thành cơ hội và động cơ cho đầu tư phát triển và tái cơ cấu lao động. Quan tâm cải thiện môi trường làm việc cho NLĐ luôn đảm bảo thông thoáng sạch sẽ thuận tiện, nâng cao mức độ an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

- Tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên trong Công ty, Tăng cường đào tạo tay nghề đặc biệt là đội ngũ vận hành phòng điều khiển trung tâm, các kỹ sư công nghệ, chuyên viên kinh tế tạo nguồn nhân lực lâu dài phục vụ sản xuất.

- Tiếp tục đào tạo, tuyển dụng bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Quan tâm cải thiện môi trường làm việc cho NLĐ luôn đảm bảo thông thoáng sạch sẽ thuận tiện, tăng cường vệ sinh công nghiệp thu gom xử lý chất thải công nghiệp. Cải tạo mặt bằng, đường giao thông nội bộ luôn đảm bảo thông thoáng sạch sẽ thuận tiện. Thường xuyên kiểm tra giám sát các thông số môi trường lao động đưa ra các biện pháp và tổ chức thực hiện nhằm cải thiện điều kiện làm việc kịp thời và hiệu quả cho NLĐ.

- Nâng cao vai trò trách nhiệm lãnh đạo của hệ thống chính trị, sự gương mẫu của các cán bộ đứng đầu với sự phân công cụ thể ở từng đơn vị trong mỗi lĩnh vực. Phát huy tinh thần đoàn kết một lòng tạo nên sức mạnh tập thể cùng góp phần xây dựng Công ty ngày càng phát triển bền vững.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo hoạt động SXKD năm 2022 và phương hướng, biện pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023 của Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI kính trình Đại hội.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;BKS;
- Đăng tải trên Website Công ty;
- Lưu VT; Thư ký HĐQT.



Trần Quang Khải

DỰ THẢO

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI;

Căn cứ vào tình hình hoạt động SXKD và Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI đã được kiểm toán bởi các công ty kiểm toán độc lập;

Ban kiểm soát Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông những nội dung sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2018-2023) và kế hoạch năm 2023

1. Hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2018-2023):

1.1. Ban kiểm soát đã hoạt động bám sát các nội dung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III (2018 - 2023); các quy định tại Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý các hoạt động kinh doanh nhiệm kỳ III (2018 - 2023); theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên các năm đã đề ra;

1.2. Trong nhiệm kỳ III (2018 - 2023); Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp của Ban kiểm soát để phân công và triển khai nhiệm vụ tới từng thành viên; đánh giá, thẩm định kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính quý, năm;

1.3. Tham gia tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty; để từ đó nắm bắt sát sao với tình hình thực tiễn tại các bộ phận đơn vị trong Công ty nhằm kiểm soát các hoạt động của đơn vị đúng với quy định của pháp luật cũng như phương hướng của Đại hội đồng cổ đông;

1.4. Tham mưu, tư vấn cho HĐQT, Ban điều hành trong việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy định phù hợp với quy mô phát triển của Công ty, chú trọng nâng cao chất lượng hiệu quả công tác quản trị điều hành. Trong nhiệm kỳ Công ty đã ban hành và sửa đổi một số quy chế, quy định như: *Quy chế khoán quản trị SXKD; Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế thi đua khen thưởng; Quy chế quản lý cán bộ; Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở; Quy chế quản lý vật tư; Quy chế quản lý Đầu tư và xây dựng; Quy chế quản lý tài chính; Quy chế vay vốn CBCNV; Quy chế quản lý công nợ; Quy chế quản lý, phân phối sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi; Quy chế tiêu thụ sản phẩm; Quy chế tuyển dụng và đào tạo lao động; Quy chế quản lý lao động và*

tiền lương; Quy chế công bố thông tin; Quy chế quản lý công tác an toàn - Vệ sinh lao động.

1.5. Tham gia ý kiến với HĐQT trong các vấn đề: Tổng kết và xây dựng kế hoạch năm, quý, tháng; phê duyệt và lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, bàn bạc thực hiện các chiến lược kinh doanh của Công ty cũng như Nghị quyết của ĐHĐCĐ;

1.6. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo tài chính hàng tháng và thẩm định báo cáo tài chính quý, năm của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi các Công ty kiểm toán độc lập.

1.7. Hàng quý lập các báo cáo giám sát gửi Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP theo đúng quy định.

1.8. Trong nhiệm kỳ qua, Ban kiểm soát của Công ty có nhận được một số đơn kiến nghị của nhóm cổ đông về xem xét hoạt động SXKD của Công ty. Ban kiểm soát đã cùng với bộ máy điều hành công ty nghiên cứu, báo cáo, giải trình và gửi văn bản trả lời đến từng cổ đông, nhóm cổ đông.

2. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023:

Căn cứ vào nhiệm vụ của Ban kiểm soát và các chỉ tiêu tạm giao kế hoạch SXKD năm 2023 của HĐQT Công ty, Ban kiểm soát đã xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát tại công văn số 01/CV-BKS ngày 09 tháng 01 năm 2023, tập trung vào các nhiệm vụ chính như sau:

2.1. Soát xét lại tính hợp lý, hợp pháp của các Nghị quyết, quyết định, nội quy, quy định, quy trình của Công ty; từ đó cùng với HĐQT, Ban điều hành sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tiễn tại đơn vị.

2.2. Nâng cao khả năng áp dụng các mô hình quản trị doanh nghiệp và quản trị rủi ro trong sản xuất kinh doanh; tận dụng tối đa các thời cơ đồng thời chủ động với các rủi ro tiềm ẩn ảnh hưởng tới Công ty.

2.3. Quản trị chi phí và tiết kiệm trong sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

2.4. Hoàn thiện hơn nữa hệ thống kế toán và chế độ hạch toán kế toán, đáp ứng nhanh nhu cầu cung cấp thông tin cho Ban điều hành; phù hợp với chế độ và chuẩn mực kế toán hiện hành.

2.5. Công bố thông tin, minh bạch hóa các hoạt động tài chính trên thị trường chứng khoán, thỏa mãn lợi ích của nhà đầu tư.

2.6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

II. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

1. Về thù lao của Ban kiểm soát:

Trong nhiệm kỳ III (2018 - 2023), Công ty cổ phần xi măng La Hiên đã trả tiền lương và thù lao cho Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông thường niên cụ thể như sau:

Bảng 1: Tiền lương, thưởng, phụ cấp của BKS thực nhận giai đoạn năm 2018-2022*DVT: Tr.đồng*

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương/phụ cấp/thưởng	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thu Hoài	Trưởng BKS chuyên trách	Tiền lương, thưởng	245,98	431,73	442,26	531,15	-	Đến 29/12/2021
2	Phạm Trung Hợp	Trưởng BKS chuyên trách	Tiền lương, thưởng	-	-	-	-	529.06	Từ 29/12/2021
3	Nguyễn Xuân Hậu	Thành viên BKS	Phụ cấp, thưởng	53,51	-	-	-	-	Đến 05/04/2018
4	Hồ Thị Huệ	Thành viên BKS	Phụ cấp, thưởng	49,97	-	-	-	-	Đến 05/04/2018
5	Hoàng Thị Thúy	Thành viên BKS	Phụ cấp, thưởng	38,50	76,24	76,24	76,24	76.24	Từ 05/04/2018
6	Lê Thị Hồng Cẩm	Thành viên BKS	Phụ cấp, thưởng	38,50	19,06	-	-	-	Đến 04/04/2019
7	Phạm Đình Tuấn	Thành viên BKS	Phụ cấp, thưởng	-	57,18	76,24	19,77	-	Đến 25/04/2021
8	Trần Thu Hương	Thành viên BKS	Phụ cấp, thưởng	-	-	-	56,47	76,24	Từ 26/04/2021
	Tổng cộng			426,46	584,20	594,73	683,62	681,53	

2. Về chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm 2022 ban kiểm soát có tham gia lớp nâng cao năng lực nghề nghiệp kiểm soát viên do TKV tổ chức với giá trị tổng chi phí đào tạo là: 11,23 triệu đồng.

III. Thẩm định Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính của Ban kiểm soát

- Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu về các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán và lập các Báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, năm đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp;

- Ban kiểm soát đánh giá cao bộ phận Tài chính - Kế toán Công ty trong việc cập nhật và áp dụng kịp thời, đúng, đủ các thay đổi chế độ kế toán của Nhà nước và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, nộp BHXH, y tế, thất nghiệp cho người lao động đầy đủ và đúng quy định. Thực hiện kiểm soát tốt các khoản thu chi theo đúng chế độ, đôn đốc các bộ phận chấp hành các quy định về kế toán tài chính.

- Quản lý tốt tiền vốn, tài sản của Công ty; nguồn vốn được bảo toàn và tăng trưởng, sử dụng đồng vốn linh hoạt, tiết kiệm tốt chi phí tài chính góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty, cải thiện hệ số nợ phải trả trên vốn chủ, hệ số khả năng thanh toán và công nợ phải thu của khách hàng đạt vượt mức kế hoạch Tổng công ty giao.

- Sau khi thẩm tra báo cáo quyết toán tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI được lập lại theo kết quả kiểm toán của Công ty TNHH PKF Việt Nam, Ban kiểm soát xác nhận các số liệu tài chính thể hiện trung thực tình hình tài chính hiện tại của Công ty.

Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 01/01/2018 và cuối ngày 31/12/2022 như sau:

Bảng 2: Bảng cân đối kế toán

ĐVT: Đồng

A	TÀI SẢN	31/12/2022	01/01/2018
I	Tài sản ngắn hạn	179.732.653.678	42.490.135.088
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	102.356.107.880	2.923.514.629
-	Tiền	102.356.107.880	2.923.514.629
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	10.485.755.107	21.700.092.596
-	Phải thu của khách hàng	7.825.147.833	21.007.960.727

A	TÀI SẢN	31/12/2022	01/01/2018
-	Trả trước cho người bán	68.485.940	1.035.927.348
-	Phải thu ngắn hạn khác	2.749.461.334	990.495.954
-	Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-157.340.000	-1.334.291.433
3	Hàng tồn kho	26.786.291.654	17.866.527.863
-	Hàng tồn kho	26.786.291.654	19.188.442.023
-	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-1.321.914.160
4	Tài sản ngắn hạn khác	104.499.037	-
-	Chi phí trả trước ngắn hạn	104.499.037	-
-	Thuế và các khoản phải thu NN	-	-
-	Tài sản ngắn hạn khác	-	-
II	Tài sản dài hạn	139.505.501.797	356.625.259.516
1	Các khoản phải thu dài hạn	520.666.186	381.351.904
2	Tài sản cố định	124.979.915.789	349.291.627.672
-	Tài sản cố định hữu hình	124.979.915.789	333.875.255.048
	<i>Nguyên giá</i>	<i>957.681.955.337</i>	<i>917.938.975.770</i>
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>-832.702.039.548</i>	<i>-584.063.720.722</i>
-	Tài sản cố định vô hình	0	15.416.372.624
	<i>Nguyên giá</i>	<i>1.632.274.438</i>	<i>21.458.340.973</i>
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>-1.632.274.438</i>	<i>-6.041.968.349</i>
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	251.103.085	3.505.237.690
4	Tài sản dài hạn khác	13.753.816.737	3.447.042.250
-	Chi phí trả trước dài hạn	13.753.816.737	3.447.042.250
-	Tài sản dài hạn khác	-	-
	CỘNG TÀI SẢN	319.238.155.475	399.115.394.604
B	NGUỒN VỐN	31/12/2022	01/01/2018
I	Nợ phải trả	115.981.695.814	246.344.788.951
1	Nợ ngắn hạn	110.461.029.628	220.345.387.856

A	TÀI SẢN	31/12/2022	01/01/2018
-	Phải trả người bán ngắn hạn	50.408.416.887	36.108.090.988
-	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	376.221.676	564.044.055
-	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7.583.242.590	6.710.258.656
-	Phải trả người lao động	35.598.463.361	25.415.378.305
-	Chi phí phải trả ngắn hạn	825.489.516	4.125.611.885
-	Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	-
-	Phải trả ngắn hạn khác	1.844.616.611	1.391.546.107
-	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.500.000.000	141.327.440.950
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	11.324.578.987	4.703.016.910
2	Nợ dài hạn	5.520.666.186	25.999.401.095
-	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	5.000.000.000	25.618.049.191
-	Dự phòng phải trả dài hạn	520.666.186	381.351.904
-	Quỹ phát triển KII & CN	-	-
II	Vốn chủ sở hữu	203.256.459.661	152.770.605.653
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	120.000.000.000	100.000.000.000
	Thặng dư vốn cổ phần	464.476.156	464.476.156
	Quỹ đầu tư phát triển	41.157.145.436	24.327.394.348
	Quỹ dự phòng tài chính	-	-
	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	41.634.838.069	27.978.735.149
	CỘNG NGUỒN VỐN	319.238.155.475	399.115.394.604

3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật.

Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.

Số liệu về kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn năm 2018-2022:

Bảng 3: Bảng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn năm 2018-2022

ĐVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	720.636.711.235	689.684.527.536	712.934.817.500	733.785.505.193	811.808.649.177
2	Giá vốn hàng bán	633.088.741.953	589.181.912.485	608.177.096.417	620.235.279.233	688.467.446.777
3	Lợi nhuận gộp	87.547.969.282	100.502.615.051	104.736.522.446	113.550.225.960	123.341.202.400
4	Doanh thu hoạt động tài chính	2.303.641.786	16.241.773	20.365.201	249.605.666	3.077.378.729
5	Chi hoạt động tài chính	11.074.527.881	7.526.823.503	4.144.182.814	1.295.168.695	300.115.061
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>11.070.485.932</i>	<i>7.465.864.983</i>	<i>3.618.236.543</i>	<i>1.190.053.627</i>	<i>194.999.993</i>
6	Chi phí bán hàng	13.486.359.290	16.314.724.893	13.045.817.268	13.099.398.192	16.315.907.827
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.633.577.508	28.796.287.294	30.207.239.124	31.016.212.224	38.511.722.246
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	38.657.146.389	47.881.021.134	57.359.648.441	68.389.052.515	71.290.835.995
9	Thu nhập khác	580.857.899	91.283.692	60.013.965	586.547.640	239.588.063
10	Chi phí khác	105.873.172	672.520	-	592.225.271	1.085.645.178
11	Lợi nhuận khác	474.984.727	90.611.172	60.013.965	-5.677.631	(846.057.115)
12	Tổng lợi nhuận trước thuế	39.132.131.116	47.971.632.306	57.419.662.406	68.383.374.884	70.444.778.880
13	Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.939.627.857	9.683.206.461	11.572.812.481	13.895.232.031	14.409.940.811
14	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	-
15	Lợi nhuận sau thuế TNDN	31.192.503.259	38.288.425.845	45.846.849.925	54.488.142.853	56.034.838.069
16	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.119	3.829	4.234	4.541	4.670

Bảng 4: Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty giai đoạn năm 2018-2022

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
A	B	C	1	2	3	4	5
1	Hệ số bảo toàn vốn	Lần	1,07	1,07	1,06	1,08	1,00
2	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán						
+	Hệ số thanh toán hiện thời	Lần	0,30	0,37	0,84	1,25	1,63
+	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,21	0,27	0,59	1,11	1,38
3	Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn						
+	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,12	0,77	0,63	0,86	0,97
+	Hệ số nợ/Vốn điều lệ	Lần	1,84	1,35	0,97	0,51	0,57
4	Hệ số phản ánh cơ cấu tài sản						
+	Tỷ lệ đầu tư vào tài sản ngắn hạn	%	13,35	15,28	24,04	38,79	56,30
+	Tỷ lệ đầu tư vào tài sản dài hạn	%	86,65	84,72	75,96	61,21	43,70
5	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động						
+	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	39,04	43,48	34,84	34,53	34,14
+	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	2,08	2,23	2,33	2,39	2,54
6	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời						
+	Tỷ suất lợi nhuận /Doanh thu (ROS)	%	4,33	5,55	6,43	7,43	6,90
+	Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA)	"	8,97	12,38	14,97	17,72	17,55
+	Tỷ suất lợi nhuận /Vốn kinh doanh	"	31,19	38,29	38,21	45,41	46,70
+	Tỷ suất sinh lời /Vốn CSH (ROE)	"	19,05	21,91	24,27	26,72	27,57
+	Tỷ số thu nhập /cổ phiếu (EPS)	Đồng	3.119	3.829	4.234	4.541	4.670



Nhìn chung những chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động và tài chính của Công ty thể hiện sự ổn định và an toàn cho thấy Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI có hệ thống quản trị tốt và hiệu quả. Cuối năm 2022 hệ số về khả năng thanh toán nợ đến hạn đã được cải thiện > 1. Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn giảm thể hiện tài sản của Công ty được sử dụng chủ yếu bằng nguồn vốn CSH, công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả đến hạn.

IV. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch

Trong nhiệm kỳ III (2018 - 2023), Công ty có thực hiện việc ký kết các hợp đồng mua bán, dịch vụ với các Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của Công ty là người quản lý doanh nghiệp, bao gồm:

STT	Tên công ty, cá nhân	Nội dung giao dịch
1	Tập đoàn CN than - KS Việt Nam	- Mua than
2	Công ty cổ phần xi măng Tân Quang VVMI	- Dịch vụ
3	Công ty cổ phần SX và KD vật tư thiết bị - VVMI	- Mua vỏ bao
4	Công ty than Khánh Hòa - VVMI	- Mua đá thải
5	HTX sản xuất và KD dịch vụ Hoàng Thịnh Phát	- Bán xi măng
6	Công ty cổ phần khách sạn Thái Nguyên - VVMI	- Dịch vụ
7	Trung tâm Điều dưỡng ngành than - VVMI	- Dịch vụ

Với các giao dịch trên, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch đã thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Ban kiểm soát thấy rằng việc chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan là Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của công ty là người quản lý đã thực hiện đúng theo khoản 2, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp.

V. Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban điều hành

- Giữa Ban kiểm soát, HĐQT và Ban điều hành Công ty đã duy trì được mối quan hệ trong công tác, hợp tác phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ.

- Trong nhiệm kỳ III (2018 - 2023), HĐQT cùng Ban giám đốc và các cán bộ quản lý của các phòng ban chức năng Công ty đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát;

- Ban kiểm soát thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty đúng với các quy định hiện hành, đảm bảo thông tin đến cổ đông một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời.

VI. Đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

1. Hội đồng quản trị

HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

- Các nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của HĐQT và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, và Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, và các quy định khác của pháp luật.

- HĐQT thông qua các cuộc họp định kỳ, đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định để thực thi nhiệm vụ quản lý điều hành các hoạt động của Công ty, tiếp tục ban hành, hoàn thiện các quy chế nội bộ để làm cơ sở cho hoạt động của công ty ngày càng rõ ràng, minh bạch.

- HĐQT giao Giám đốc thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III (2018 - 2023) đề ra.

- Trong quá trình hoạt động, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Giám đốc trong việc thực thi nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông thông qua. HĐQT luôn tuân thủ Điều lệ Tổng công ty, luật pháp nhà nước; phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành cùng hợp tác nhằm đưa ra các giải pháp hữu hiệu để nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Nhiệm kỳ III (2018 - 2023) HĐQT đã định hướng, chỉ đạo Công ty thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III, bảo toàn và phát triển được vốn của Công ty.

2. Ban giám đốc

Cùng với HĐQT, Ban giám đốc có những chỉ đạo rất sát sao và quyết liệt trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành quản lý và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản; sử dụng vốn đúng mục đích trong sản xuất kinh doanh; tuân thủ các qui định của pháp luật trong kinh doanh, chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo qui định;

quản lý chặt chẽ tài sản và nguồn vốn của Công ty; đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Trong nhiệm kỳ III (2018 - 2023) thị trường tiêu thụ xi măng có những chuyển biến tích cực, tuy nhiên mức cạnh tranh vẫn diễn ra khốc liệt, song Ban giám đốc đã nỗ lực tìm các giải pháp để hạ giá thành sản phẩm, đẩy mạnh công tác tiêu thụ, cụ thể:

- Công tác tiêu thụ sản phẩm là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Công ty, do vậy Công ty rất quan tâm và đầu tư các nguồn lực để đảm bảo chất lượng sản phẩm, giữ vững thị trường hiện có, tìm kiếm và phát triển thêm thị trường mới. Thành công của công tác thị trường là Công ty vẫn giữ được cơ cấu sản phẩm xi măng bao có giá bán cao, giảm cơ cấu sản phẩm xi măng bột giá bán thấp tăng hiệu quả kinh doanh.

- Tăng mức Clinker, tăng tỷ lệ pha phụ gia so với kế hoạch, góp phần giảm giá thành sản phẩm và ổn định được chất lượng sản phẩm.

- Quy hoạch tốt công tác tiếp nhận nguyên nhiên vật liệu, cải tiến công tác kiểm tra, kiểm soát điều chỉnh phối liệu hợp lý, nâng cao được chất lượng clinker sản xuất, thay thế phụ gia có giá thấp trong xi măng để hạ giá thành sản phẩm và đã đạt được hiệu quả kinh tế cao.

- Điều hành và kiểm soát tốt về năng suất các thiết bị chính như: máy nghiền liệu, nghiền than, nghiền xi măng nên đã đảm bảo duy trì sản xuất giảm thời gian huy động giờ cao điểm, tận dụng tối đa thời gian thấp điểm tiết kiệm chi phí điện năng, tăng hiệu quả kinh doanh.

- Công tác cơ điện đã quan tâm quản lý tốt hồ sơ thiết bị, quy trình vận hành, quy trình an toàn cho thiết bị lập biện pháp và tổ chức thực hiện sửa chữa khắc phục sự cố thiết bị dây chuyền đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn.

- Tích cực tìm các giải pháp để đầu tư cải tiến thay thế thiết bị cũ lạc hậu về kỹ thuật thay thế thiết bị mới tốt hơn tăng được năng suất, chất lượng sản phẩm. Tổ chức tốt việc bảo dưỡng, sửa chữa sự cố, sửa chữa lớn thiết bị, chủ động dừng lò và thiết bị để bảo dưỡng sửa chữa theo kế hoạch vào các thời điểm tết Nguyên Đán và mùa mưa sản lượng tiêu thụ chậm.

Tính đến hết năm 2022, bộ máy điều hành đã hoàn thành vượt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên cụ thể: Lợi nhuận trước thuế đạt 283.351,56 tr đồng/ kế hoạch 192.000 triệu đồng bằng 147,58% so với kế hoạch, cổ tức chi trả dự kiến 152%/ kế hoạch 79%.

Trong nhiệm kỳ III (2018 - 2023), thông qua hoạt động giám sát của mình, Ban kiểm soát không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát cho rằng tất cả các hoạt động của Công ty đã đảm bảo được việc phát triển an toàn, bền vững và tuân thủ theo đúng Pháp luật, Điều lệ công ty, các Nghị quyết của Đại hội Cổ đông và HĐQT.

VII. Kiến nghị của Ban kiểm soát

Năm 2023 xung đột giữa Nga - Ukraine vẫn kéo dài, lạm phát vẫn duy trì ở mức cao, xu hướng tăng lãi suất, thu hẹp chính sách tiền tệ, tài khóa ở nhiều quốc

gia, thời tiết diễn biến thất thường ở nhiều châu lục tạo ra những thách thức, rủi ro cho kinh tế thế giới và ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu. Nền kinh tế trong nước cũng vì thế mà tăng trưởng chậm lại. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi cũng phải đối mặt không ít khó khăn với thời tiết diễn biến phức tạp và giá cả nguyên vật liệu đầu vào vẫn tiếp tục tăng đã khiến Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI phải đối mặt với nhiều thách thức rất lớn. Bên cạnh đó cổ phiếu Công ty đã được thực hiện niêm yết và giao dịch trên sàn chứng khoán Hà Nội bởi vậy để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm 2023, tạo được giá trị cổ phiếu trên sàn, đem lại lợi ích cho cổ đông Ban kiểm soát đề nghị bộ máy điều hành công ty cần quan tâm một số nội dung sau:

- Thực hiện việc cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin, hồ sơ tài liệu theo yêu cầu của BKS. Tạo điều kiện để BKS được tham gia các cuộc họp theo chuyên đề do thành viên HĐQT hoặc Ban điều hành chủ trì.

- Cân đối lao động để đảm bảo đủ định biên cho dây chuyền sản xuất chính. Gắn chính sách tiền lương với các chính sách quản lý: Ban hành và áp dụng quy chế tiền lương mới khuyến khích người lao động và cán bộ quản lý phát huy hết khả năng trong lao động sản xuất để tạo ra khối lượng sản phẩm với năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất cao nhất. Tuyển dụng thêm lao động để tạo nguồn kế cận, thay thế cho nguồn lao động trong những năm sắp tới sau khi tái cơ cấu lao động.

- Tiếp tục nghiên cứu, phát triển, ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đưa công nghệ 4.0 vào thực tiễn nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời tiết kiệm nhiên liệu, điện năng giảm chi phí sản xuất kinh doanh, nâng cao mức độ an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

- Tăng cường áp dụng tin học hóa, tự động hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm tiết giảm lao động và nâng cao năng suất, đảm bảo năng lực cạnh tranh và phù hợp với xu thế phát triển của xã hội.

- Tiếp tục quản lý tốt chất lượng vật liệu sản xuất, phối liệu sống nhằm nâng cao chất lượng clinker sản xuất để tăng tỷ lệ pha phụ gia trong xi măng và giảm định mức tiêu hao nguyên vật liệu cho một tấn sản phẩm. Cân đối sản xuất Clinker hợp lý để đáp ứng sản xuất xi măng, hạn chế tiêu thụ Clinker để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Tiếp tục xây dựng kế hoạch và phương án tiêu thụ xi măng bột. Cân đối kế hoạch sản xuất để giảm giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ.

- Xây dựng kế hoạch, dự toán bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị hợp lý đúng định kỳ, để không biến động chi phí tại từng thời kỳ. Tiếp tục đầu tư, cải tạo, thay thế các thiết bị cũ để phục vụ sản xuất, đem lại hiệu quả kinh doanh cho Công ty trong những năm tiếp theo.

- Tiếp tục tăng cường các hoạt động Marketing, xây dựng thương hiệu cho sản phẩm, giữ vững và phát triển trên thị trường truyền thống; đặc biệt là thị trường tỉnh Thái Nguyên và không ngừng phát triển thị trường mới để tăng sản lượng tiêu thụ. Tổ chức tốt mạng lưới tiếp thị, phân công chi tiết các khu vực quản

lý, nắm bắt tình hình thị trường cũng như khả năng thanh toán của khách hàng để có biện pháp bán hàng và thu hồi công nợ kịp thời.

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý và thu hồi công nợ, giảm dư nợ khách hàng bình quân, an toàn và tăng vòng quay vốn. Cân đối, sử dụng nguồn tiền nhân rồi, lựa chọn kỳ hạn và ngân hàng cho vay tốt nhất đem lại hiệu quả kinh tế và an toàn cho nguồn tiền gửi.

- Điều hành một cách linh hoạt các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023.

- Tăng cường giám sát, thực hiện các nội dung yêu cầu đối với Công ty niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán, chấp hành đúng pháp luật, đảm bảo lợi ích cho nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Sau khi đại hội cổ đông thông qua quyết toán tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2022. Đề nghị Công ty phối hợp với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam tiến hành chi trả cổ tức cho các cổ đông theo phương án đã được Đại hội thông qua./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban

Phạm Trung Hợp

Số: 24/BC-DHĐCĐ

Thái Nguyên, ngày tháng 3 năm 2023



BÁO CÁO
TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP xi măng La Tiên VVMI;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI theo Quyết định số 06/QĐ-BKS ngày 26/4/2021;

Căn cứ vào bảng phân công nhiệm vụ của từng thành viên Ban kiểm soát.

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI gồm các thành viên như sau:

1. Ông: Phạm Trung Hợp - Trưởng ban kiểm soát
2. Bà: Hoàng Thị Thúy - Ủy viên ban kiểm soát
3. Bà: Trần Thu Hương - Ủy viên ban kiểm soát

Trong năm 2023 Ban Kiểm soát Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI đã thực hiện các nội dung công việc và tự đánh giá kết quả hoạt động như sau:

1. Các cuộc họp ban kiểm soát:

Trong năm Ban kiểm soát đã triệu tập 5 cuộc họp để phân công nhiệm vụ cho các thành viên và đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

- Lần 1, họp về việc phân công nhiệm vụ của ban kiểm soát.
- Lần 2, họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của quý IV và năm 2021.
- Lần 3, họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của quý I năm 2022;
- Lần 4, họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của quý II và 6 tháng đầu năm 2022.
- Lần 5, họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của quý III và 9 tháng đầu năm 2022.

Nội dung các cuộc họp đã được các thành viên trong Ban kiểm soát nhất trí 100%.

2. Phân công nhiệm vụ của Ban kiểm soát:

2.1. Ông Phạm Trung Hợp - Trưởng ban kiểm soát chuyên trách

- Phụ trách chung công việc của Ban kiểm soát;
- Triệu tập và chủ trì các buổi làm việc của Ban kiểm soát, xây dựng kế hoạch, nội dung tiến độ của các cuộc kiểm tra, liên hệ với các phòng, ban trong Công ty để nhận thông tin, dữ liệu phục vụ công việc của BKS;
- Phụ trách và giải quyết trực tiếp các yêu cầu đột xuất theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp hiện hành;
- Giám sát HĐQT, ban điều hành triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT;
- Xem xét và thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm của Công ty;
- Theo dõi hoạt động tài chính, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty;
- Tổng hợp ý kiến của các thành viên BKS, lập và ký báo cáo hoạt động của BKS trình lên ĐHĐCĐ sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT Công ty.

2.2. Bà Hoàng Thị Thúy - Thành viên ban kiểm soát

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng lao động, các vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người lao động;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng đối với cán bộ công nhân viên trong Công ty;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy trình sản xuất, công nghệ; công tác cơ điện, an toàn, môi trường, phòng chống cháy nổ;
- Kiểm tra, giám sát công tác thị trường; công tác bán hàng và thu hồi công nợ;
- Báo cáo và đề xuất những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ được phân công tới Trưởng BKS;
- Thực hiện một số nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Trưởng BKS;

2.3 Bà Trần Thu Hương - Thành viên ban kiểm soát

- Kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng tài sản cố định và các dự án đầu tư của Công ty; theo dõi việc giao khoán, quyết toán chi phí, giá thành, định mức kinh tế kỹ thuật của Công ty; theo dõi việc thực hiện hợp đồng kinh tế, dân sự, công tác vật tư, xây dựng cơ bản của Công ty;
- Kiểm tra, giám sát công tác tổ chức hạch toán, luân chuyển chứng từ, tính hợp pháp, hợp lý chứng từ kế toán, việc thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước;
- Kiểm tra, giám sát việc quản lý tiền mặt, ngân hàng, công nợ, hàng hóa, tài sản ngắn hạn của Công ty; kiểm tra việc thực hiện sản xuất kinh doanh bám sát với kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua;

2224
CÔNG TY
HẠN
LIÊN
MI
THAY

- Báo cáo và đề xuất những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ được phân công tới Trưởng BKS;

- Thực hiện một số nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Trưởng BKS;

- Thư ký cho các cuộc họp của Ban kiểm soát;

Ngoài nhiệm vụ được giao, các thành viên Ban kiểm soát phải duy trì chế độ họp và làm việc kiểm tra giám sát định kỳ, thường xuyên tập hợp báo cáo về Trưởng ban kiểm soát để tổng hợp, thống nhất các ý kiến nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ đã được phân công.

3. Kết quả tự đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban Kiểm soát đã hoàn thành kế hoạch hoạt động năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua, các thành viên trong Ban Kiểm soát chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật, đảm bảo tuân thủ đúng theo Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, Luật Doanh nghiệp và quy chế làm việc của Ban Kiểm soát.

- Ban Kiểm soát thường xuyên giám sát toàn diện các mặt hoạt động của Công ty, kết quả kiểm tra đã được Ban Kiểm soát gửi tới HĐQT, Ban giám đốc công ty về các vấn đề còn tồn tại của đơn vị.

- Ban Kiểm soát Công ty cổ phần xi măng La Hiên đã họp, xem xét tự đánh giá hoàn thành công việc của các thành viên Ban Kiểm soát kết quả đánh giá như sau:

+ Ông Phạm Trung Hợp: Hoàn thành nhiệm vụ được phân công

+ Bà Hoàng Thị Thúy: Hoàn thành nhiệm vụ được phân công

+ Bà Trần Thu Hương: Hoàn thành nhiệm vụ được phân công.

Trên đây là toàn bộ nội dung 'Báo cáo đánh giá kết quả tự hoạt động của Ban kiểm soát' kính trình ĐHCĐ xem xét. Ban kiểm soát chúng tôi rất mong nhận được các ý kiến góp ý của các quý vị cổ đông.

T.M BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban

Phạm Trung Hợp

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25 /TTr-ĐHĐCĐ

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán
của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI**

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính đã kiểm toán cho năm tài chính kết thúc 31/12/2022 do Công ty TNHH PKF Việt Nam lập ngày 25/2/2023;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI, về việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI.

(Có báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- HĐQT, BKS, Website;
- Lưu VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đỗ Huy Hùng

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMII

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 45



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiên, được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 2228/QĐ-HĐQT ngày 19/09/2007 của Chủ tịch hội đồng quản trị Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4600422240 đăng ký lần đầu ngày 01/01/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 5, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 04/12/2021.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4600422240 lần 5 ngày 04/12/2021, vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 VND được chia thành 12.000.000 cổ phần, danh sách cổ đông như sau:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	6.165.960	51,38%
Các đối tượng khác	5.834.040	48,62%
Tổng cộng	12.000.000	100%

2. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng quản trị

Họ và tên:	Chức vụ:
- Ông Đỗ Huy Hùng	Chủ tịch HĐQT
- Ông Trần Quang Khải	Ủy viên
- Ông Hà Văn Chuyển	Ủy viên
- Ông Trịnh Quốc Bình	Ủy viên
- Bà Lê Thị Thu Hiền	Ủy viên

Ban Giám đốc

Họ và tên:	Chức vụ:	
- Ông Trần Quang Khải	Giám đốc	Từ ngày 18/05/2022 (i)
	Quyền Giám đốc	Đến ngày 17/05/2022
- Ông Lê Bá Chúc	Phó Giám đốc	
- Ông Phạm Mạnh Tiến	Phó Giám đốc	

13440
CÔNG
H NHIỆ
PH
IỆT
KƯA

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ban Kiểm soát

Họ và tên:

Chức vụ:

- Ông Phạm Trung Hợp Trưởng ban
- Bà Trần Thu Hương Ủy Viên
- Bà Hoàng Thị Thúy Ủy viên

(i) Theo Quyết định số 40/QĐ-HĐQT ngày 16/05/2022 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI về việc bổ nhiệm Giám đốc Công ty

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

40-C
TY
HỮU
F
AM
-T.S

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2023

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC 



TRẦN QUANG KHẢI

Số: 35 /2023/BCKT-PKFVN

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI được lập ngày 25 tháng 02 năm 2023, bao gồm Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 45 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Hồng Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0576-2023-242-1

Nguyễn Hoàng Hà
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0740-2023-242-1

031
C
TRÁCH
VI
NH X

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		179.732.653.678	119.301.233.964
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	102.356.107.880	86.919.518.995
Tiền	111		7.356.107.880	26.919.518.995
Các khoản tương đương tiền	112		95.000.000.000	60.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		40.000.000.000	10.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	40.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.485.755.107	8.432.444.894
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	7.825.147.833	6.966.908.161
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		68.485.940	255.888.163
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	2.749.461.334	1.348.178.570
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(157.340.000)	(138.530.000)
Hàng tồn kho	140	5.6	26.786.291.654	13.550.244.462
Hàng tồn kho	141		26.786.291.654	13.550.244.462
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		104.499.037	399.025.613
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	104.499.037	107.749.798
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	-	291.275.815
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		139.505.501.797	188.222.731.923
Các khoản phải thu dài hạn	210		520.666.186	484.534.717
Phải thu dài hạn khác	216	5.4	520.666.186	484.534.717
Tài sản cố định	220		124.979.915.789	167.085.255.643
TSCĐ hữu hình	221	5.8	124.979.915.789	167.085.255.643
- Nguyên giá	222		957.681.955.337	950.375.720.152
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(832.702.039.548)	(783.290.464.509)
TSCĐ vô hình	227	5.9	-	-
- Nguyên giá	228		1.632.274.438	1.632.274.438
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.632.274.438)	(1.632.274.438)
Tài sản dở dang dài hạn	240		251.103.085	162.000.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	251.103.085	162.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		13.753.816.737	20.490.941.563
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	13.753.816.737	20.490.941.563
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		319.238.155.475	307.523.965.887

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
NỢ PHẢI TRẢ	300		115.981.695.814	103.620.659.561
Nợ ngắn hạn	310		110.461.029.628	95.636.124.844
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	50.408.416.887	37.445.299.256
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		376.221.676	394.542.979
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	7.583.242.590	7.362.023.139
Phải trả người lao động	314		35.598.463.361	38.615.028.999
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	825.489.516	3.303.122.581
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	1.844.616.611	2.506.163.583
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	2.500.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11.324.578.987	6.009.944.307
Nợ dài hạn	330		5.520.666.186	7.984.534.717
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.11	5.000.000.000	7.500.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342		520.666.186	484.534.717
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		203.256.459.661	203.903.306.326
Vốn chủ sở hữu	410	5.16	203.256.459.661	203.903.306.326
Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		464.476.156	464.476.156
Quỹ đầu tư phát triển	418		41.157.145.436	32.114.635.437
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		41.634.838.069	51.324.194.733
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	8.836.051.880
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		41.634.838.069	42.488.142.853
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		319.238.155.475	307.523.965.887

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC









NGUYỄN THỊ HẰNG

NGUYỄN THỊ THU HOÀI

TRẦN QUANG KHẢI

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	811.808.649.177	733.785.505.193
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp DV	10		811.808.649.177	733.785.505.193
Giá vốn hàng bán	11	6.2	688.467.446.777	620.235.279.233
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		123.341.202.400	113.550.225.960
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.077.378.729	249.605.666
Chi phí tài chính	22	6.4	300.115.061	1.295.168.695
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		194.999.993	1.190.053.627
Chi phí bán hàng	25	6.7	16.315.907.827	13.099.398.192
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	38.511.722.246	31.016.212.224
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		71.290.835.995	68.389.052.515
Thu nhập khác	31	6.5	239.588.063	586.547.640
Chi phí khác	32	6.6	1.085.645.178	592.225.271
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(846.057.115)	(5.677.631)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		70.444.778.880	68.383.374.884
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	14.409.940.811	13.895.232.031
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		56.034.838.069	54.488.142.853
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	4.670	4.541

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC






NGUYỄN THỊ HẰNG

NGUYỄN THỊ THU HOÀI

TRẦN QUANG KHẢI

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM**

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		70.444.778.880	68.383.374.884
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		49.411.575.039	52.102.319.608
Các khoản dự phòng	03		54.941.469	(650.968.872)
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.077.378.729)	(249.605.666)
Chi phí lãi vay	06		194.999.993	1.190.053.627
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		117.028.916.652	120.775.173.581
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.806.612.060)	9.363.168.060
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(13.236.047.192)	8.833.695.245
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		3.466.400.061	16.619.918.801
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		6.740.375.587	775.772.539
Tiền lãi vay đã trả	14		(194.999.993)	(2.194.499.045)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(14.895.232.031)	(17.559.137.888)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		145.240.000	43.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.112.290.054)	(10.494.039.757)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		90.135.750.970	126.163.051.536
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.451.355.332)	(9.471.250.649)
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(30.000.000.000)	(10.000.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.067.014.922	239.983.594
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(31.384.340.410)	(19.231.267.055)
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	-	27.509.042.540
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	-	(51.386.637.096)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(43.314.821.675)	(29.998.556.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(43.314.821.675)	(53.876.150.556)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		15.436.588.885	53.055.633.925
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		86.919.518.995	33.863.885.070
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		102.356.107.880	86.919.518.995

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG





NGUYỄN THỊ HẰNG

NGUYỄN THỊ THU HOÀI

TRẦN QUANG KHẢI

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVM tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiên, được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 2228/QĐ-HĐQT ngày 19/9/2007 của Chủ tịch hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4600422240 đăng ký lần đầu ngày 01/01/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 5, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 04/12/2021.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, các vật liệu xây dựng khác);
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng uranium và quặng thorium;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (khai thác quặng bô xít);
- Đúc sắt, thép;
- Đúc kim loại màu;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất các kết cấu kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công trình công nghiệp);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị dùng trong mạch điện);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá (hoạt động của trạm xá);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (cho thuê văn phòng, kho bãi);

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở tại: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Đến ngày 31/12/2022, tổng số cán bộ công nhân viên Công ty là 542 người, trong đó số nhân viên quản lý là 35 người.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 của Công ty.

134
C
H
P
T
X
U
A

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tại ngày 31/12/2022, việc trích lập dự phòng được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Yêu
T
H
Đ
NA
V

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu chính Bình quân theo tháng
- Các hàng tồn kho còn lại Phương pháp bình quân di động

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ: là toàn bộ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung của bán thành phẩm tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.5.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 25 năm
- Máy móc, trang thiết bị 05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải 06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 05 năm

Trong năm 2022, Công ty vẫn tiếp tục áp dụng khấu hao nhanh với hệ số là 2 cho các tài sản cố định là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị, dụng cụ quản lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.5.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài Công ty không trích khấu hao. Việc tính khấu hao của tài sản cố định vô hình phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- Tài sản cố định khác 05 năm

4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, phí bảo hiểm, phí sử dụng tài liệu, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và chi phí đền bù giải phóng mặt bằng. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.9 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm: chi phí lãi vay, chi phí tiền điện và chi phí phải trả khác. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11 Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí hoàn nguyên môi trường.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.13 Vốn chủ sở hữu

Công ty hoạt động theo Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp số 4600422240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 01/01/2008 và thay đổi lần thứ 5 ngày 04/12/2021.

Cho đến ngày kết thúc năm tài chính, các cổ đông đã góp đủ vốn cổ phần vào Công ty theo tổng số vốn điều lệ ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 120.000.000.000 đồng, tỷ lệ thực góp là 100%.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

4.14 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4.16 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hóa theo quy định và các chi phí khác phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay bao gồm lãi vay phải trả trong kỳ của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.17 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hóa, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu mức thuế suất thuế GTGT: 10% (Từ ngày 01/02/2022 đến ngày 31/12/2022 áp dụng thuế suất 8% theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội).

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp:

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong kỳ và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ cho mục đích tính thuế.

Thuế suất thuế TNDN trong năm của Công ty: 20%

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là chi phí thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi trừ đi số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

10-C
TY
BUI
7
AM
-18

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

		31/12/2022	01/01/2022
		(VND)	(VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i)	334.430.667	143.568.354
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	(ii)	7.021.677.213	26.775.950.641
Các khoản tương đương tiền	(iii)	95.000.000.000	60.000.000.000
Cộng		102.356.107.880	86.919.518.995

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2022 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam		334.430.667
Cộng		334.430.667

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2022 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam		7.021.677.213
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		1.137.847.967
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		3.977.574.619
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		662.677.634
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		1.235.038.366
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		8.538.627
Cộng		7.021.677.213

(iii) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2022 bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng thời hạn không quá 03 tháng:

	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam		95.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		30.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		65.000.000.000
Cộng		95.000.000.000

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>31/12/2022</u> VND	<u>01/01/2022</u> VND
a. Ngắn hạn	40.000.000.000	10.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (*)</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Nguyên (**)</i>	<i>20.000.000.000</i>	-
b. Dài hạn	-	-
Cộng	40.000.000.000	10.000.000.000

(*) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên:

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 220/2022/28576 ngày 31/08/2022, số tiền 10.000.000.000 đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 5%/năm, cố định trong suốt kỳ hạn gửi tiền.
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 220/2021/46898 ngày 01/12/2021, số tiền 10.000.000.000 đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 3,9%/năm, cố định trong suốt kỳ hạn gửi tiền.

(**) Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Nguyên:

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 52510.22090.848058.TGNH ngày 30/12/2022, số tiền 20.000.000.000 đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 8,5%/năm, cố định trong suốt kỳ hạn gửi tiền.

5.3. Phải thu khách hàng

	<u>31/12/2022</u> (VND)	<u>01/01/2022</u> (VND)
a. Ngắn hạn	7.825.147.833	6.966.908.161
Ủy ban nhân dân xã Cúc Đường	416.582.500	1.041.480.000
Ủy ban nhân dân xã Phú Thượng	351.812.000	665.016.000
Ủy ban nhân dân xã Phương Giao	987.715.000	706.200.000
Ủy ban nhân dân xã Liên Minh	1.046.022.500	646.800.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	5.023.015.833	3.907.412.161
b. Dài hạn	-	-
Cộng	7.825.147.833	6.966.908.161
c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan chi tiết tại Phụ lục số 02		

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.4. Phải thu khác

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	2.749.461.334	-	1.348.178.570	-
Phải thu người lao động	963.563.817	-	719.570.390	-
Ký quỹ, ký cược	227.610.000	-	431.640.000	-
Các khoản khác	1.558.287.517	-	196.968.180	-
b. Dài hạn	520.666.186	-	484.534.717	-
Ký quỹ, ký cược	520.666.186	-	484.534.717	-
Cộng	3.270.127.520	-	1.832.713.287	-

VI
TRÁCH
TÀI CHÍNH

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMII

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.5. Nợ xấu

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	176.150.000	18.810.000	138.530.000	-
- Dưới 1 năm	-	-	-	-
- Từ 1 đến dưới 2 năm	37.620.000	18.810.000	-	-
Hộ kinh doanh cá thể Lê Văn Cường	37.620.000	18.810.000	-	-
- Từ 2 đến dưới 3 năm	-	-	-	-
- Từ 3 năm trở lên	138.530.000	-	138.530.000	-
Công ty TNHH Yên Lạc - Bắc Kạn	66.780.000	-	66.780.000	-
Phòng tài chính Huyện Phố Yên	71.750.000	-	71.750.000	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.6. Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	(VND)		(VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.371.906.733	-	3.569.016.775	-
Công cụ, dụng cụ	27.555.537	-	5.101.068	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.386.829.384	-	9.976.126.619	-
Cộng	26.786.291.654	-	13.550.244.462	-

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022	01/01/2022
	(VND)	(VND)
- Mua sắm	-	-
- Chi phí xây dựng cơ bản	251.103.085	162.000.000
<i>Thiết kế bản vẽ thi công mở sét Cúc Đường</i>	<i>162.000.000</i>	<i>162.000.000</i>
<i>Dự án đầu tư trạm cân 120 tấn</i>	<i>89.103.085</i>	-
- Sửa chữa lớn	-	-
Cộng	251.103.085	162.000.000

10-C
TY
HUU
AM
-1.8

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMII

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ					
Số dư đầu năm	325.458.628.458	490.840.729.684	87.484.896.048	46.591.465.962	950.375.720.152
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	7.306.235.185	-	-	7.306.235.185
- Điều chuyển nhóm	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	325.458.628.458	498.146.964.869	87.484.896.048	46.591.465.962	957.681.955.337
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu năm	217.881.092.784	444.372.981.490	80.538.005.020	40.498.385.215	783.290.464.509
- Khấu hao trong năm	10.299.865.958	28.891.690.665	4.886.523.512	5.333.494.904	49.411.575.039
- Tính hao mòn	-	-	-	-	-
- Điều chuyển nhóm	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	228.180.958.742	473.264.672.155	85.424.528.532	45.831.880.119	832.702.039.548
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	107.577.535.674	46.467.748.194	6.946.891.028	6.093.080.747	167.085.255.643
Tại ngày cuối năm	97.277.669.716	24.882.292.714	2.060.367.516	759.585.843	124.979.915.789

Trong đó: - Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay
 - Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng
 - Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.9. Tài sản cố định vô hình

	TSCĐVH khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	1.632.274.438	1.632.274.438
Số dư cuối năm	1.632.274.438	1.632.274.438
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Số dư đầu năm	1.632.274.438	1.632.274.438
Số dư cuối năm	1.632.274.438	1.632.274.438
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-
Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:		-
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:		1.632.274.438

5.10. Chi phí trả trước

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
a. Ngắn hạn	104.499.037	107.749.798
Bảo hiểm ô tô	104.499.037	107.749.798
b. Dài hạn	13.753.816.737	20.490.941.563
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	660.730.207	6.497.407.528
Phí sử dụng tài liệu	1.068.777.261	1.143.651.009
Phí bảo lãnh hợp đồng vay vốn	210.230.138	315.345.206
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	11.814.079.131	12.534.537.820
Cộng	13.858.315.774	20.598.691.361

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.11. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2022 (VND)		Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2022 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
a. Gốc vay ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
b. Gốc vay dài hạn	7.500.000.000	7.500.000.000	-	-	7.500.000.000	-
Từ 1 năm đến 5 năm	7.500.000.000	7.500.000.000	-	-	7.500.000.000	-
Quy bảo vệ môi trường tỉnh Thái Nguyên (*)	7.500.000.000	7.500.000.000	-	-	7.500.000.000	-
Cộng	7.500.000.000	7.500.000.000	-	-	7.500.000.000	-

(*) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 02/HĐTD-QBVM ngày 15/08/2019 ký giữa Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Thái Nguyên và Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVM với hạn mức 7.500.000.000 đồng. Mục đích vay vốn để đầu tư mới hệ thống quan trắc khí thải cho 08 ống khói của 02 dây chuyền sản xuất xi măng và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời hạn cho vay là 60 tháng, lãi suất cố định trong suốt thời hạn vay 2,6%/năm. Hình thức đảm bảo bằng bảo lãnh vay vốn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

	01/01/2022 (VND)		31/12/2022 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
c. Phân loại gốc vay dài hạn đến hạn trả tại thời điểm lập BCTC	-	-	-	-
d. Số dư tại thời điểm lập BCTC	7.500.000.000	7.500.000.000	7.500.000.000	7.500.000.000
d.1 Vay và nợ ngắn hạn (d.1 = a + c)	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000
d.2 Vay và nợ dài hạn (d.2 = b - c)	7.500.000.000	7.500.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000

5.12. Phải trả người bán

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	50.408.416.887	50.408.416.887	37.445.299.256	37.445.299.256
Công ty CP Công nghiệp Thương mại Sông Đà	1.816.100.000	1.816.100.000	5.390.000.000	5.390.000.000
Công ty CP Vật liệu Xây dựng Bắc Thái	4.870.163.528	4.870.163.528	4.203.149.296	4.203.149.296
Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	1.486.596.400	1.486.596.400	3.670.590.000	3.670.590.000
Công ty TNHH Vân Long	1.584.266.200	1.584.266.200	2.810.959.150	2.810.959.150
Công ty TNHH Bình Dương	583.701.520	583.701.520	2.025.640.730	2.025.640.730
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng dân dụng Công nghiệp Hà Nội	195.955.620	195.955.620	1.973.769.749	1.973.769.749
Công ty CP Đá ốp lát và Vật liệu xây dựng	143.686.690	143.686.690	1.476.162.360	1.476.162.360
Công ty TNHH Kim khí Thanh An	1.225.479.530	1.225.479.530	907.434.320	907.434.320
Công ty CP xuất nhập khẩu thiết bị và Công nghệ	8.536.556.600	8.536.556.600	-	-
Công ty Điện lực Thái nguyên	3.599.536.635	3.599.536.635	-	-
Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Quốc tế	3.544.878.000	3.544.878.000	40.000.000	40.000.000
Các nhà cung cấp khác	22.821.496.164	22.821.496.164	14.947.593.651	14.947.593.651
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	50.408.416.887	50.408.416.887	37.445.299.256	37.445.299.256
c. Phải trả người bán là các bên liên quan chi tiết tại phụ lục số 02				

3446
 CÔNG
 NGHIỆP
 MỎ
 VIỆT
 BẮC
 TKV

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMII

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2022 (VND)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022 (VND)
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	3.330.256.038	17.233.951.805	18.014.238.719	2.549.969.124
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.895.232.031	14.409.940.811	14.895.232.031	2.409.940.811
Thuế thu nhập cá nhân	344.537.205	2.058.778.701	1.573.977.799	829.338.107
Thuế tài nguyên	603.737.564	5.784.083.552	5.022.369.119	1.365.451.997
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	1.208.294.563	1.208.294.563	-
Quyền khai thác khoáng sản	-	2.687.876.000	2.687.876.000	-
Phí bảo vệ môi trường	188.260.301	1.819.589.811	1.579.307.561	428.542.551
Phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.101.071.301	1.101.071.301	-
Cộng	7.362.023.139	46.306.586.544	46.085.367.093	7.583.242.590
b. Phải thu				
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	291.275.815	291.275.815	-	-
Cộng	291.275.815	291.275.815	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TÔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.14. Chi phí phải trả

	<u>31/12/2022</u> (VND)	<u>01/01/2022</u> (VND)
a. Ngắn hạn	825.489.516	3.303.122.581
Chi phí điện năng tiêu thụ	-	2.403.336.164
Các khoản khác	825.489.516	899.786.417
b. Dài hạn	-	-
Cộng	825.489.516	3.303.122.581

5.15. Phải trả khác

	<u>31/12/2022</u> (VND)	<u>01/01/2022</u> (VND)
a. Ngắn hạn	1.844.616.611	2.506.163.583
Cổ tức trả cổ đông	507.613.250	460.303.250
Các khoản khác	1.337.003.361	2.045.860.333
b. Dài hạn	-	-
Cộng	1.844.616.611	2.506.163.583

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bàng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.16. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	120.000.000.000	464.476.156	32.114.635.437	36.314.287.217	188.893.398.810
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	54.488.142.853	54.488.142.853
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(39.478.235.337)	(39.478.235.337)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	120.000.000.000	464.476.156	32.114.635.437	51.324.194.733	203.903.306.326
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	56.034.838.069	56.034.838.069
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	9.042.509.999	(65.724.194.733)	(56.681.684.734)
Số dư cuối năm	120.000.000.000	464.476.156	41.157.145.436	41.634.838.069	203.256.459.661

(*) Tổng lợi nhuận phân phối trong năm 2022 là 65.724.194.733 đồng, trong đó:

- Theo Nghị quyết số 30/NQ-DHĐCĐ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Xi măng La Hiền VVMI ngày 12/04/2021 thực hiện trả cổ tức 42.000.000.000 đồng (trong đó đã tạm ứng 12.000.000.000 đồng trong năm 2021 và chi bổ sung 30.000.000.000 đồng trong năm 2022), trích quỹ khen thưởng phúc lợi 12.281.684.734 đồng, trích quỹ đầu tư phát triển 9.042.509.999 đồng.
- Theo Nghị quyết số 68/NQ-HĐQT ngày 29/11/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng La Hiền VVMI về việc thông qua phê duyệt tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2022 theo tỷ lệ thực hiện là 12%/Vốn điều lệ tương đương với 14.400.000.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Vốn góp của Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	61.659.600.000	61.659.600.000
Vốn góp của đối tượng khác	58.340.400.000	58.340.400.000
Cộng	120.000.000.000	120.000.000.000

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	120.000.000.000	120.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	120.000.000.000	120.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	44.400.000.000	42.000.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	41.157.145.436	32.114.635.437

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để tái đầu tư sản xuất



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
Doanh thu bán hàng	810.992.703.492	731.076.712.004
Doanh thu cung cấp dịch vụ	815.945.685	2.708.793.189
Cộng	811.808.649.177	733.785.505.193

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
Giá vốn thành phẩm đã bán	688.129.187.256	618.952.865.423
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	338.259.521	1.291.990.515
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(9.576.705)
Cộng	688.467.446.777	620.235.279.233

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
Lãi tiền gửi	3.067.014.922	239.983.594
Doanh thu hoạt động tài chính khác	10.363.807	9.622.072
Cộng	3.077.378.729	249.605.666

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
Lãi tiền vay	194.999.993	1.190.053.627
Chi phí tài chính khác	105.115.068	105.115.068
Cộng	300.115.061	1.295.168.695

1406/2022
NG T
NEM H
K E
T NA
AN -

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

6.5 Thu nhập khác

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
Các khoản khác	239.588.063	586.547.640
Cộng	239.588.063	586.547.640

6.6 Chi phí khác

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
Truy thu thuế, tiền chậm nộp	1.085.645.178	358.340.230
Tiền phạt thuế	-	144.885.041
Các khoản khác	-	89.000.000
Cộng	1.085.645.178	592.225.271

6.7 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp	38.511.722.246	31.693.378.124
Chi phí nhân viên	22.988.451.600	20.669.388.000
Chi phí vật liệu	991.278.899	1.414.676.052
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.230.649.100	1.173.553.128
Chi phí khác bằng tiền	13.301.342.647	8.435.760.944
b. Chi phí bán hàng	16.315.907.827	13.099.398.192
Chi phí nhân viên	6.120.580.000	6.591.517.925
Chi phí vật liệu	4.110.909.581	3.091.957.969
Chi phí khấu hao TSCĐ	27.585.799	27.585.799
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.521.958.869	987.174.812
Chi phí khác bằng tiền	4.534.873.578	2.401.161.687
c. Các khoản ghi giảm Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	(677.165.900)
Hoàn nhập chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	(677.165.900)
Cộng	54.827.630.073	44.115.610.416

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	510.276.937.889	440.958.482.239
Chi phí nhân công	108.006.732.680	106.343.744.119
Chi phí khấu hao TSCĐ	49.411.575.039	52.102.319.608
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.348.083.184	37.989.386.408
Chi phí khác bằng tiền	32.937.136.884	24.645.919.994
Cộng	758.980.465.676	662.039.852.368

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	70.444.778.880	68.383.374.884
- Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)	1.604.925.178	1.092.785.271
<i>Chậm nộp thuế</i>	<i>1.085.645.178</i>	-
<i>Thù lao hội đồng quản trị và Ban kiểm soát</i>	<i>449.280.000</i>	<i>430.560.000</i>
<i>Chi phí không hợp lý</i>	<i>70.000.000</i>	<i>662.225.271</i>
- Thu nhập chịu thuế	72.049.704.058	69.476.160.155
- Chuyển lỗ năm trước	-	-
- Thu nhập tính thuế	72.049.704.058	69.476.160.155
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	14.409.940.811	13.895.232.031
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành của năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14.409.940.811	13.895.232.031

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm 2022</u> (VND)	<u>Năm 2021</u> (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	56.034.838.069	54.488.142.853
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	56.034.838.069	54.488.142.853
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.670	4.541

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường 0 VND

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường 0 VND

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty có thể có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch vay, trả nợ gốc vay, mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu

Công ty không đầu tư cổ phiếu, trái phiếu nên không có rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu.

(ii) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm	Tổng cộng
Ngày 31/12/2022			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	102.356.107.880	-	102.356.107.880
Phải thu khách hàng	7.825.147.833	-	7.825.147.833
Đầu tư	40.000.000.000	-	40.000.000.000
Phải thu khác	2.749.461.334	520.666.186	3.270.127.520
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(157.340.000)	-	(157.340.000)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	152.773.377.047	520.666.186	153.294.043.233
Ngày 31/12/2022			
Các khoản vay và nợ	2.500.000.000	5.000.000.000	7.500.000.000
Phải trả người bán	50.408.416.887	-	50.408.416.887
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	2.670.106.127	-	2.670.106.127
Tổng cộng	55.578.523.014	5.000.000.000	60.578.523.014
Chênh lệch thanh khoản thuần	97.194.854.033	(4.479.333.814)	92.715.520.219

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
Ngày 01/01/2022			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	86.919.518.995	-	86.919.518.995
Phải thu khách hàng	6.966.908.161	-	6.966.908.161
Đầu tư	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Phải thu khác	1.348.178.570	484.534.717	1.832.713.287
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(138.530.000)	-	(138.530.000)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	105.096.075.726	484.534.717	105.580.610.443
Ngày 01/01/2022			
Các khoản vay và nợ	-	7.500.000.000	7.500.000.000
Phải trả người bán	37.445.299.256	-	37.445.299.256
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	5.809.286.164	-	5.809.286.164
Tổng cộng	43.254.585.420	7.500.000.000	50.754.585.420
Chênh lệch thanh khoản thuần	61.841.490.306	(7.015.465.283)	54.826.025.023

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2022	01/01/2022	31/12/2022	01/01/2022
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	40.000.000.000	10.000.000.000	40.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	7.825.147.833	6.966.908.161	7.667.807.833	6.828.378.161
<i>Các khoản phải thu khác</i>	3.270.127.520	1.832.713.287	3.270.127.520	1.832.713.287
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Đầu tư dài hạn</i>	-	-	-	-
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	102.356.107.880	86.919.518.995	102.356.107.880	86.919.518.995
Tổng cộng	193.451.383.233	105.719.140.443	153.294.043.233	105.580.610.443
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	7.500.000.000	7.500.000.000	7.500.000.000	7.500.000.000
<i>Phải trả người bán</i>	50.408.416.887	37.445.299.256	50.408.416.887	37.445.299.256
<i>Phải trả, phải nộp khác</i>	2.670.106.127	5.809.286.164	2.670.106.127	5.809.286.164
Tổng cộng	60.578.523.014	50.754.585.420	60.578.523.014	50.754.585.420

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2022 và ngày 01/01/2022. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

8.2 Báo cáo bộ phận

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là bán xi măng, clinker (chiếm 99,90% tổng doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh của năm tài chính), do đó Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại khu vực Miền Bắc nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

8.3 Thông tin về các bên có liên quan

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 được thể hiện tại các phụ lục đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ lục số 01: Bảng kê giao dịch mua bán vật tư, hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan
- Phụ lục số 02: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan.

Thu nhập của các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

	Năm 2022 (VND)
Lương, thưởng của Ban Giám đốc	2.038.151.252
Thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị	427.845.600
Thù lao, lương và thưởng của Ban Kiểm soát	681.537.148
Tổng cộng	3.147.534.000

8.4 Những sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

8.5 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ HÀNG

NGUYỄN THỊ THU HOÀI

TRẦN QUANG KHẢI

064
31
MF
3E
NA
N-

BẢNG KÊ GIAO DỊCH MUA BÁN VẬT TƯ, HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Giá trị
A	Tổng mua	236.618.288.206
1	Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	45.670.879.800
	Vỏ bao	45.670.879.800
2	Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Thái Nguyên	4.924.100.040
	Vật tư, vật liệu nổ	71.912.500
	Dịch vụ vận chuyển vật liệu nổ, nổ mìn	4.852.187.540
3	Xí nghiệp vật tư Hòn Gai	974.582.580
	Vật tư, dầu mỡ nhờn	974.582.580
4	Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	1.043.870.000
	Vật tư	1.043.020.000
	Dịch vụ sửa chữa	850.000
5	Công ty Than Khánh Hoà - VVMI	3.848.209.365
	Đá thải	3.848.209.365
6	Công ty Than Núi Hồng - VVMI	27.075.600
	Dịch vụ cho thuê hội trường, ăn uống	27.075.600
7	Trường cao đẳng Than - Khoáng Sản Việt Nam	211.683.000
	Dịch vụ đào tạo	211.683.000
8	Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	350.440.084
	Phí quản lý mỏ	350.440.084
9	Công ty CP Khách sạn Thái Nguyên VVMI	2.270.370.742
	Dịch vụ tham quan, nghỉ mát, cho thuê hội trường, phòng nghỉ, ăn uống	2.270.370.742
11	Trường Quản trị Kinh Doanh - Vinacomin	66.027.000
	Dịch vụ đào tạo	66.027.000
12	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	176.254.336.910
	Than cám	176.254.336.910
13	Công ty CP Cơ Khí & Thiết Bị áp Lực - VVMI	17.040.000
	Vật tư	17.040.000
14	Trung tâm Điều Dưỡng Ngành Than - VVMI	874.720.000
	Dịch vụ	874.720.000
15	Viện khoa học công nghệ mỏ - Vinacomin	84.953.085
	Dịch vụ tư vấn	84.953.085

BẢNG KÊ GIAO DỊCH MUA BÁN VẬT TƯ, HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Giá trị
B	Tổng bán	67.408.178
1	Công ty CP Xi măng Tân Quang - VVMI	60.000.000
	Dịch vụ	60.000.000
2	Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Thái Nguyên	7.408.178
	Dịch vụ	7.408.178

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2023

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ HẰNG

NGUYỄN THỊ THU HOÀI

TRẦN QUANG KHẢI

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bàng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

Phụ lục số 02

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

TT	TÊN ĐƠN VỊ	Các khoản công nợ		
		131	331	338
A	PHẢI THU	-	-	-
I	NGÁN HẠN	-	-	-
II	DÀI HẠN	-	-	-
B	PHẢI TRẢ	-	3.141.533.236	-
I	NGÁN HẠN	-	3.141.533.236	-
1	Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	-	1.486.596.400	-
2	Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Thái Nguyên	-	1.335.523.417	-
3	Xí nghiệp vật tư Hòn Gai	-	279.812.819	-
4	Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	-	39.600.600	-
II	DÀI HẠN	-	-	-

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2023

GIAM ĐỐC



KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI LẬP

(Handwritten signatures)

NGUYỄN THỊ THU HOÀI

NGUYỄN THỊ HẰNG

TRẦN QUANG KHẢI



Số: 26 /TTr-ĐHĐCĐ

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 3 năm 2023



TỜ TRÌNH

**Về việc phân phối lợi nhuận năm 2022 của
Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI**

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI, về việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty cụ thể như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện
1	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	56.034.838.069
	Trong đó: Lợi nhuận năm trước chuyển sang	"	
	- Lợi nhuận năm nay	"	56.034.838.069
2	Trích lập các quỹ	"	
a	Trích quỹ đầu tư phát triển	"	0
b	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (2,02 tháng lương bq)	"	13.693.432.069
b1	Quỹ lương thực hiện năm 2022 của Công ty	Đồng	81.335.743.520
b2	Quỹ lương thực hiện bình quân 1 tháng của Công ty	"	6.777.978.626
b3	Số tháng lương được trích tối đa (3 tháng lương)	Tháng	2,02
b4	Mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (b4=b2*b3)	Đồng	13.693.432.069
	Trong đó:		
b4.1	Quỹ khen thưởng (=b4 x 30%)	Đồng	4.108.029.621
b4.2	Quỹ phúc lợi (=b4*70%)	Đồng	9.585.402.448
c	Trích quỹ khen thưởng người quản lý doanh nghiệp (1,5 tháng lương viên chức quản lý và phụ cấp quản lý không chuyên trách)	"	341.406.000
c1	Quỹ lương thực hiện BQ 1 tháng của NQL DN năm 2022	Đồng	227.604.000

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện
c2	Số tháng lương được trích tối đa (1.5 tháng lương)	Tháng	1,50
c3	Mức trích quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp (c3=c1*c2)	Đồng	341.406.000
3	Phương án trả cổ tức năm 2022		
a	Tỷ lệ trả cổ tức theo NQ ĐHCĐ đầu năm	%	25,00
b	Tỷ lệ trả cổ tức đơn vị đề nghị	%	35,00
c	Số tiền trả cổ tức	Đồng	42.000.000.000
4	Số lợi nhuận còn lại sau khi đã chia cổ tức và trích các quỹ trên	Đồng	0

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- HĐQT, BKS, Website;
- Lưu VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đỗ Huy Hùng



TỜ TRÌNH
Về việc quyết toán chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022
và kế hoạch chi trả năm 2023

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI, về việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI kính trình Đại hội đồng Cổ đông quyết toán chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2022 và phương án chi trả thù lao năm 2023 với những nội dung cụ thể như sau:

1. Quyết toán chi trả thù lao năm 2022

Stt	Họ tên	Chức vụ	Thực hiện
1	Đỗ Huy Hùng	Chủ tịch HĐQT	89.107.200
2	Trần Quang Khải	Thành viên HĐQT	74.880.000
3	Lê Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT	74.880.000
4	Hà Văn Chuyển	Thành viên HĐQT	74.880.000
5	Trịnh Quốc Bình	Thành viên HĐQT	74.880.000
6	Hoàng Thị Thúy	Ủy viên BKS	67.766.400
7	Trần Thu Hương	Ủy viên BKS	67.766.400
	Tổng cộng		524.160.000

2. Phương án chi trả phụ cấp cho HĐQT, BKS năm 2023: Căn cứ kết quả SXKD nếu tiền lương của các VCQL được quyết toán tăng thì mức chi trả thù lao sẽ tăng tương ứng, nhưng mức chi tối đa không quá 20% mức tiền lương của VCQL và dự kiến như sau:

Stt	Chức danh	Số lượng	KH(đ/ng/th)	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	1	4.760.000	

2	Ủy viên HĐQT	4	4.000.000	
3	Ủy viên BKS	2	4.000.000	

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- HĐQT, BKS, Website;
- Lưu VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đỗ Huy Hùng

Số: 28 /TTr-ĐHĐCĐ

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 3 năm 2023



TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua kế hoạch SXKD và kế hoạch ĐTXD năm 2023
của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI**

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI, về việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch SXKD và kế hoạch ĐTXD năm 2023 cụ thể như sau:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2023
1	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	740.000
2	Doanh thu	Triệu đồng	745.000
3	Nộp NS nhà nước	Triệu đồng	41.862
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	58.000
5	Trả cổ tức	%	25
6	Lao động thực tế	Người	547
7	Thu nhập bình quân	Đồng/ng/tháng	12.187.690

2. Kế hoạch ĐTXD năm 2023:

ĐVT: Tr.đồng

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (Tr.đ)
I	Công trình chuyển tiếp:			1.028
1	Dự án đầu tư trạm cân 120 tấn	HT	1	1.028
II	Dự phòng (1+2):			9.100
1	Dự án nâng cấp HT tự động hóa DCS dây chuyền II (tạm tính 50%)	HT	1	4.200

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (Tr.đ)
2	Dự án hệ thống xếp bao tự động – Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI (tạm tính 50%)	HT	1	4.900
III	Điều tra khảo sát, quy hoạch, chuẩn bị đầu tư (1+2):			250
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ đá vôi Đồng Chuông (điều chỉnh) – Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI	Cái		200
2	Dự án hệ thống xếp bao tự động – Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI	Cái		50
	Tổng cộng (I+II+III)			10.378

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- HĐQT, BKS, Website;
- Lưu VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đỗ Huy Hùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29 /TTr-ĐHĐCĐ

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua hợp đồng giao dịch
với người có liên quan của Công ty năm 2023

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI, về việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

Để chủ động trong việc mua sắm nhiên liệu phục vụ sản xuất của Công ty. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua hợp đồng giao dịch với người có liên quan, hợp đồng mua bán lớn (>35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp) như sau:

1. Hợp đồng mua bán than với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

(Có dự thảo hợp đồng kèm theo)

2. Giao cho Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI ký kết hợp đồng với người liên quan của công ty để phục vụ SXKD trong năm 2023.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- HĐQT, BKS, Website;
- Lưu VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đỗ Huy Hùng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

HỢP ĐỒNG MUA BÁN THAN NĂM 2023

GIỮA TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Số: /HĐ/TKV-XMLH

- Căn cứ Bộ Luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật Thương mại năm 2005;
- Căn cứ nhu cầu sử dụng và khả năng cung cấp của hai bên;

Hôm nay, ngày tháng năm 202..., tại Hà Nội, chúng tôi gồm:

I. BÊN BÁN:

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

(dưới đây viết tắt là TKV)

Địa chỉ: số 226, Đường Lê Duẩn, Hà Nội;

Điện thoại: 024.38564144; 024.35180141; Fax: 024.35182041;
024.38510724;

Tài khoản số: 110000135108 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam -
Chi nhánh Ba Đình và/hoặc

Tài khoản số: 16010000031422 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển
Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 3

Mã số thuế: 5700 100256

Đại diện là: Ông Lê Quang Dũng, chức vụ: Phó Tổng giám đốc.

Giấy uỷ quyền số 18/UQ - KP ngày 01/03/2022 do ông Đặng Thanh Hải -
Tổng giám đốc ký.

I. BÊN MUA:

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

(dưới đây viết tắt là XMLH)

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên;

Điện thoại: 0208.3829.154; Fax: 0208.3829.056;

Tài khoản số: 39010000000429, tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển
Thái Nguyên;

Mã số thuế: 4600422240;

Đại diện là: Ông Trần Quang Khải, Chức vụ: Giám đốc

Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng mua bán than năm 2023 với các điều khoản
cụ thể dưới đây:

Điều 1. Chung loại, khối lượng, chất lượng:

1.1 .Chung loại: Than cám 5a.6 (mã sản phẩm 05-C5A.6)

1.2. Khối lượng: **85.000 +/-10%** tấn

1.3. Chất lượng: Theo tiêu chuẩn quốc gia hiện hành TCVN 8910:2020 và thỏa thuận khác giữa hai bên.

1.3.1. Các chỉ tiêu chất lượng cụ thể:

Các chỉ tiêu	Than cám 5a.6
1. Cỡ hạt (mm):	<25
Tỷ lệ trên cỡ tối đa (%):	10
2. Độ tro khô A^k (%):	
Trung bình:	29,00
Giới hạn:	27,01 ÷ 31,00
3. Độ ẩm toàn phần w^p (%):	
Trung bình:	10,50
Không lớn hơn:	14,00
4. Chất bốc khô v^k (%):	
Trung bình:	12,00
Không lớn hơn:	14,00
5. Lưu huỳnh chung khô s^{ch} (%):	
Trung bình:	2,00
Không lớn hơn:	3,00
6. Trị số toả nhiệt toàn phần khô Q^k_{gr} (cal/g):	
Không nhỏ hơn:	5.350

1.3.2. Thỏa thuận khác:

(a) Độ ẩm toàn phần (W^{tp}) để giao nhận: theo thực tế

(b) Độ ẩm toàn phần (W^{tp}) để xác định khối lượng than thanh toán:

+ Độ ẩm để xác định khối lượng than thanh toán: là độ ẩm trung bình theo TCVN 8910:2020 (10,5%), các lô hàng có độ ẩm toàn phần khác 10,5 sẽ được quy về 10,5% để xác định khối lượng than thanh toán.

Điều 2. Điều kiện giao hàng

2.1. Địa điểm giao hàng: Hàng hoá được Bên Bán giao cho Bên Mua trên phương tiện vận chuyển của Bên Mua tại kho Bên Bán (kho mỏ Khánh Hoà).

2.2. Chuyển rủi ro: Rủi ro về mất mát hoặc hư hại hàng hoá được chuyển cho Bên Mua kể từ khi hàng hoá được xếp lên phương tiện vận chuyển của Bên Mua tại kho của Bên Bán.

2.3. Xác định và chấp nhận về chất lượng và khối lượng:

2.3.1. Xác định và chấp nhận về chất lượng:

a) Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu theo tiêu chuẩn hiện hành (TCVN 8910:2020). Hai bên tiến hành lấy mẫu đồng tại kho Bên Bán, mỗi đồng lấy một mẫu chung. Mẫu được chia thành 03 phần: 01 mẫu giao cho Bên Mua, 01 mẫu giao cho Bên Bán, 01 mẫu để lưu. Mẫu lưu phải được đại diện hai bên cùng niêm phong, giao cho Bên Bán giữ và bảo quản. Bên Mua phân tích mẫu và gửi kết quả phân tích cho Bên Bán trong vòng 01 ngày (24 giờ) sau khi lấy mẫu. Việc phân tích mẫu than được thực hiện theo các TCVN hiện hành.

Nếu chất lượng than đảm bảo như quy định tại khoản 1.3 thì hai bên tổ chức giao nhận than. Bên Mua cử cán bộ giám sát quá trình bốc hàng lên xe tại kho Bên Bán từ khi bắt đầu giao nhận đến khi kết thúc giao nhận lô hàng.

Trong quá trình giao nhận, nếu phát hiện bất thường về chất lượng than, đại diện Bên Mua phải thông báo ngay cho Bên Bán để xử lý. Trong trường hợp này, hai bên tạm dừng việc giao nhận cho đến khi thống nhất giải quyết về chất lượng than.

b) Trường hợp kết quả phân tích của các bên có sai lệch mà hai bên không thoả thuận được, thì xử lý theo một trong hai cách sau:

- Mẫu lưu (còn nguyên niêm phong) được đại diện hai bên cùng phân tích lại tại phòng thí nghiệm của Bên Bán. Kết quả phân tích này là cơ sở để xác định chất lượng lô hàng.

- Hai bên tiến hành lấy mẫu lại trên đồng và cùng phối hợp phân tích chất lượng than tại phòng thí nghiệm của Bên Bán.

- Mọi chi phí phát sinh do bên sai chịu.

2.3.2- Xác định và chấp nhận về khối lượng:

a) Khối lượng than được xác định qua cân tại kho Bên Bán.

b) Độ ẩm:

+ Độ ẩm giao hàng: Theo độ ẩm thực tế. Mẫu độ ẩm được hai bên lấy mẫu và phân tích hàng ngày.

+ Độ ẩm để tính khối lượng than thanh toán là độ ẩm trung bình theo TCVN hiện hành.

+ Khối lượng than thanh toán được xác định theo công thức:

$$Gq = Gt \times \frac{100 - w^{pt}}{100 - w^{p0}}$$

Trong đó:

Gq : Khối lượng than thanh toán tương ứng độ ẩm trung bình của than.

Gt : Khối lượng thực tế giao hàng qua cân tại kho Bên Bán và tương ứng độ ẩm thực tế.

w^p_i : Độ ẩm thực tế của than theo phân tích của Bên Mua và được Bên Bán thống nhất.

w^p_o : Là độ ẩm trung bình của than theo TCVN 8910:2020

2.4- Biên bản giao nhận than:

Hàng ngày, hai bên tập hợp khối lượng, chủng loại than giao nhận của ngày trước đó bằng một biên bản kèm bảng kê chi tiết làm cơ sở xác định khoản tiền thanh toán.

- Biên bản giao nhận than được lập trước 09:00 hàng ngày cho khối lượng than giao nhận trong ngày trước đó.

Điều 3. Tiến độ giao hàng

3.1- Khối lượng than theo hợp đồng sẽ được Bên Bán giao bình quân cho Bên Mua trong thời gian hợp đồng, trừ khi có thoả thuận khác.

3.2- Trước ngày 20 hàng tháng, Bên Mua gửi cho Bên Bán đăng ký nhận than của tháng sau về khối lượng, chủng loại. Căn cứ đề nghị của Bên Mua, Bên Bán sẽ cân đối và thông báo bằng văn bản cho Bên Mua về kế hoạch giao hàng trước ngày 05 của tháng thực hiện.

3.3- Nếu Bên Mua không gửi đăng ký nhu cầu than thì Bên Mua được coi là không có yêu cầu nhận than tháng kế tiếp.

3.4- Lịch giao hàng cụ thể do Bên Mua và đơn vị giao hàng (do Bên Bán uỷ quyền theo mục 6.1 dưới đây) thống nhất hàng tháng.

Điều 4. Phương tiện vận chuyển than:

Than được vận chuyển bằng ô tô do Bên Mua thu xếp đến nhận than tại kho mỏ của Bên Bán.

Phương tiện đến nhận than phải có giấy giới thiệu, có đầy đủ hồ sơ, giấy tờ theo quy định hiện hành và đủ các điều kiện để giao nhận hàng, chấp hành nghiêm chỉnh nội quy của Bên Bán tại các địa điểm giao nhận trong suốt thời gian kể từ khi phương tiện đến địa điểm giao nhận chờ làm hàng đến khi làm hàng xong.

Điều 5. Đơn giá, thanh toán

5.1- Giá than giao trên phương tiện của Bên Mua tại kho của Bên Bán thực hiện theo bảng giá bán than trong nước do TKV công bố từng thời điểm.

- Giá than (chưa bao gồm thuế GTGT) tại thời điểm ký hợp đồng thực hiện theo quyết định số 926/QĐ-TKV ngày 07/06/2022, cụ thể:

+ Than cám 5a.6: 2.059.000 đồng/tấn.

- Các bên thống nhất đồng ý rằng, giá bán than quy định tại Điều này có thể được thay đổi theo quyết định của Bên Bán phù hợp với quy định hiện hành. Trong trường hợp Bên Bán thay đổi giá bán than trong quá trình thực hiện Hợp đồng, giá than mua bán theo Hợp đồng này sẽ được áp dụng theo giá mới theo quyết định thay đổi giá bán bởi Bên Bán. Mọi quyết định thay đổi giá bán than của Bên Bán là một phần không tách rời của Hợp đồng này.

- Đối với các cơ chế khuyến khích tiêu thụ của Bên Bán tại từng thời điểm (nếu có), Bên Bán sẽ gửi cho Bên Mua thông báo bằng văn bản để phối hợp triển khai thực hiện mà không cần phải lập Phụ lục hợp đồng.

5.2- Thủ tục thanh toán:

Không muộn hơn 01 ngày làm việc kể từ khi kết thúc việc giao nhận lô hàng tại kho mở, Bên Bán gửi cho Bên Mua bộ chứng từ thanh toán, bao gồm:

Bộ chứng từ thanh toán gồm:

- + Hóa đơn giá trị gia tăng (được cấp cho từng xe ô tô).
- + Giấy chứng nhận giám định chất lượng (cấp theo lô hàng).
- + Biên bản giao nhận than giữa đại diện hai bên kèm bảng kê chi tiết.

5.3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Bên Bán được ghi trong hợp đồng này hoặc ngân hàng do hai bên thoả thuận.

5.4. Phương thức, thời hạn thanh toán: Trả tiền trước khi xếp hàng

Bên Mua thực hiện thanh toán theo phương thức trả trước tiền mua than, cụ thể:

+ Bên Mua chuyển trước vào tài khoản Bên Bán số tiền mua than tương ứng khối lượng của từng đợt giao hàng trong tháng, đảm bảo tiền về tài khoản của Bên Bán trước khi hàng được xếp lên phương tiện.

+ Bên Bán chỉ giao than cho Bên Mua với khối lượng than có tổng trị giá không vượt quá số tiền Bên Mua đã chuyển trả trước cho Bên Bán.

+ Sau khi xếp hàng lên phương tiện, nếu khối lượng thanh toán (khối lượng giao nhận được quy đổi theo độ ẩm trung bình của than theo TCVN) lớn hơn khối lượng thực tế giao nhận, làm trị giá lô hàng lớn hơn số tiền Bên Mua đã chuyển trả trước, trong vòng 07 ngày lịch kể từ ngày ký Biên bản giao nhận than, Bên Mua có trách nhiệm chuyển bổ sung cho Bên Bán số tiền tương ứng với khối lượng than tăng thêm (do quy đổi độ ẩm).

+ Nếu quá thời hạn nêu trên, Bên Mua vẫn chưa trả cho Bên Bán số tiền tương ứng với khối lượng than tăng thêm do quy đổi độ ẩm, Bên Mua phải trả cho Bên Bán tiền lãi trả chậm bằng 1,5 lần lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank - Chi nhánh Hoàn Kiếm) công bố từng thời điểm đối với số tiền và thời gian thanh toán chậm.

+ Trường hợp Bên Mua không đảm bảo thanh toán tiền trước khi giao hàng theo như quy định của hợp đồng này, Bên Bán có quyền ngừng cấp than.

+ Bên Bán chỉ tiếp tục giao hàng cho Bên Mua sau khi đã nhận đủ số tiền còn

thiếu, tiền lãi chậm trả (nếu có) và khoản tiền trả trước cho lô hàng tiếp theo.

+ Trước ngày 10 hàng tháng, hai bên tiến hành đối chiếu khối lượng và công nợ phát sinh trong tháng trước đó và xác định số tiền và thời gian thanh toán chậm (nếu có) để làm căn cứ tính tiền lãi chậm trả.

Điều 6. Trách nhiệm của các bên

6.1- Bên Bán:

+ Đám bảo đảm nguồn hàng để giao than cho Bên Mua đúng khối lượng, chất lượng và tiến độ đã thỏa thuận.

+ Tạo điều kiện cho phương tiện của Bên Mua vào kho, bãi nhận hàng thuận lợi.

+ Giao công ty Kho vận và cảng cầm Phả-Vinacomin (mã số thuế: 5700100256001) thay mặt Bên Bán tổ chức thực hiện giao than và cấp hoá đơn giá trị gia tăng cho Bên Mua, đối chiếu khối lượng hàng hóa, công nợ và phối hợp với Bên Mua để giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng.

+ Thuê và chịu trách nhiệm thanh toán phí cho Công ty cổ phần giám định-Vinacomin (Quacontrol) phối hợp cùng giám định Bên Mua giám định khối lượng, lấy mẫu than, phân tích và cấp chứng thư giám định khối lượng, chất lượng tại cảng xếp hàng; phối hợp với giám định Bên Mua giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến việc giám định khối lượng, chất lượng than tại cảng xếp hàng.

6.2- Bên Mua:

+ Bố trí đủ xe nhận than theo lịch và tiến độ thỏa thuận hàng tháng. Xe vào bãi nhận hàng phải tuân thủ đúng các qui định của Bên Bán.

+ Kiểm soát, quản lý an toàn hàng hoá trên đường vận chuyển từ kho bên bán về nơi sử dụng

+ Thanh toán tiền trước khi giao hàng cho Bên Bán đúng theo quy định của hợp đồng.

+ Chỉ sử dụng khối lượng than mua theo hợp đồng này để sản xuất clinker của đơn vị mình, không bán cho đơn vị khác.

Điều 7. Bất khả kháng

7.1. Sự kiện bất khả kháng là bất kỳ sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống nào xảy ra một cách khách quan sau khi ký Hợp đồng này, không thể khắc phục được, nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các Bên, làm Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được một phần hay toàn bộ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

7.2. Sự kiện bất khả kháng bao gồm các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống hoặc tương tự các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống như liệt kê dưới đây và thỏa mãn các quy định tại mục 7.1 của Điều này:

(a) Bão, gió lốc, lũ lụt, hạn hán, động đất, sóng thần, thời tiết khắc nghiệt bất

thường hoặc bất kỳ một thiên tai nào khác;

- (b) Cháy, nổ, dịch bệnh phải cách ly theo quy định của các cơ quan chức năng;
- (c) Chiến tranh (tuyên bố hoặc không tuyên bố), xâm lược, xung đột vũ trang, hoặc các hành động thù địch của nước ngoài;
- (d) Hành động khủng bố, phong tỏa, cấm vận, bạo loạn, nổi loạn, phá hoại;
- (e) Bãi công, đình công, tấn công, phong tỏa mỏ than, nhà máy;
- (f) Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

7.3. Khi xảy ra sự kiện Bất khả kháng Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên kia trong thời gian sớm nhất về sự kiện đó. Trong vòng 05 (năm) ngày kể từ khi bắt đầu xảy ra sự kiện, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia đầy đủ, chi tiết về việc xảy ra sự kiện đó cũng như tác động của nó đối với Bên bị ảnh hưởng trong việc thực hiện Hợp đồng và kiên nghị các biện pháp khắc phục. Văn bản thông báo phải được gửi kèm với văn bản của một cơ quan có thẩm quyền tại nơi xảy ra Bất khả kháng xác nhận đã xảy ra sự kiện đó.

Trong vòng 02 (hai) ngày sau khi sự kiện Bất khả kháng chấm dứt, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản về việc chấm dứt sự kiện đó. Trong vòng 07 (bảy) ngày tiếp theo Bên bị ảnh hưởng phải chuyển cho Bên kia văn bản xác nhận về sự kiện Bất khả kháng được cấp bởi một cơ quan có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện. Văn bản xác nhận Bất khả kháng phải mô tả sự kiện, địa điểm phát sinh, thời gian phát sinh và tồn tại, hậu quả và tác động ảnh hưởng của sự kiện này đối với việc thực hiện hợp đồng v.v.

Nếu Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng không thực hiện đầy đủ việc thông báo và cung cấp tài liệu về sự kiện đó theo quy định tại Khoản này thì mất quyền được miễn trách nhiệm như quy định tại khoản 7.5 dưới đây.

7.4. Trong thời gian diễn ra sự kiện Bất khả kháng Bên bị ảnh hưởng sẽ cung cấp các báo cáo thường xuyên cho Bên kia về việc triển khai các biện pháp khắc phục nhằm ngăn chặn hoặc giảm nhẹ những tác động của của sự kiện Bất khả kháng và các thông tin khác mà Bên kia yêu cầu một cách hợp lý. Các Bên vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng.

7.5. Ngoại trừ nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã được thực hiện trước thời điểm xảy ra Bất khả kháng và/hoặc các khoản tiền khác (nếu có), Bên vi phạm các nghĩa vụ theo Hợp đồng này do sự kiện Bất khả kháng sẽ được miễn trách nhiệm.

7.6. Nếu một Bên do sự kiện Bất khả kháng mà không thể thực hiện nghĩa vụ của mình quy định trong Hợp đồng này trong thời hạn 60 ngày liên tục kể từ ngày

xảy ra sự kiện Bất khả kháng thì một trong các Bên có quyền gửi văn bản cho Bên kia trước ít nhất 15 (mười lăm) ngày để thông báo việc đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hợp đồng được coi là chấm dứt vào ngày ghi trong văn bản thông báo.

Sau khi gửi văn bản thông báo chấm dứt Hợp đồng, các Bên phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ còn tồn đọng cho đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng này, trừ các nghĩa vụ được miễn trách. Để tránh hiểu nhầm, trong mọi hoàn cảnh không Bên nào được giải phóng khỏi nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu tại khoản 7.5 của Điều này dù Hợp đồng đã chấm dứt hay chưa.

Điều 8: Giải quyết tranh chấp

8.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có vướng mắc phát sinh, hai bên sẽ cùng hợp tác tìm mọi biện pháp giải quyết, trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên.

8.2. Trường hợp hai bên đã nỗ lực cao nhất mà không thể tự giải quyết được, thì tranh chấp được đưa ra Toà án có thẩm quyền để xét xử. Quyết định của Toà án là phán quyết cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí phát sinh do bên thua kiện chịu.

Điều 9. Điều khoản thi hành

9.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thoả thuận.

9.2. Trong quá trình thực hiện, nếu xảy ra vướng mắc, hai bên sẽ cùng hợp tác tìm biện pháp giải quyết trên cơ sở tôn trọng quyền lợi của các bên và tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định của TKV.

9.3. Hợp đồng sẽ tự động được thanh lý mà không cần lập văn bản sau 30 (ba mươi) ngày kể từ khi hai bên thực hiện xong nghĩa vụ của mình.

9.4. Hợp đồng này có hiệu lực thực hiện từ 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023 và được lập thành 10 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 05 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN MUA

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

TRẦN QUANG KHẢI

LÊ QUANG DŨNG

Thái Nguyên, ngày 23. tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY NĂM 2023

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29 tháng 3 năm 2011;

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát;

Ban kiểm soát Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI xin báo cáo trước Đại hội về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2023 như sau:

1. Đề xuất danh sách công ty kiểm toán:

Để đảm bảo lựa chọn được Công ty kiểm toán độc lập có uy tín, chất lượng, giá cả cạnh tranh thực hiện kiểm toán/soát xét BCTC của Công ty. Ban kiểm soát xin đề xuất danh sách Công ty kiểm toán như sau:

- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.
- Công ty TNHH PKF Việt Nam.
- Công ty TNHH Kiểm toán BDO.
- Công ty TNHH kiểm toán và Tư vấn UHY.
- Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC.

Lý do lựa chọn:

- Là những công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán báo cáo tài chính các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2023.

- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với công ty đại chúng quy mô lớn tại Việt Nam;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi, tiến độ kiểm toán.

2. Đề xuất về việc lựa chọn công ty kiểm toán:

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện lựa chọn công ty kiểm toán theo quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS; BGD;
- Lưu HSDH, TK.



Phạm Trung Hợp